

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~47~~ 88/BTC-TCNH
V/v thẩm định Nghị định thay thế Nghị
định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh
trò chơi điện tử có thưởng dành cho
người nước ngoài (lần 2)

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 07/12/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 15008/BTC-TCNH lấy ý kiến các Bộ ngành (lần 2) đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ xây dựng Nghị định gồm: dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bảng tổng hợp ý kiến tham gia, Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính (đính kèm).

Căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định nội dung dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên. Ý kiến thẩm định của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 28/5/2021 để tổng hợp trình Chính phủ ký ban hành Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./. *ell*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, TCNH (NTQTrang-4b). *u*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Huỳnh Quang Hải

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 5 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

b) Các đối tượng được phép chơi và các đối tượng được phép ra, vào các Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến việc cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Trò chơi điện tử có thưởng” là các trò chơi may rủi được tổ chức trên máy trò chơi điện tử có thưởng mà người chơi bỏ tiền để tham gia và có thể trúng thưởng bằng tiền.

2. “Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài” là hoạt động kinh doanh có điều kiện được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi có thưởng trên máy trò chơi điện tử có thưởng.

3. “Máy trò chơi điện tử có thưởng” là thiết bị điện tử chuyên dụng được phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các trò chơi có thưởng được cài đặt sẵn trong máy. Quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi với máy.

4. “Máy giật xèng” là máy trò chơi điện tử có thưởng có từ 03 cuộn hình ảnh trở lên trên màn hình để xác định kết quả thắng cược hoặc trúng thưởng ngẫu nhiên dừng lại sau mỗi lần quay với tỷ lệ trả thưởng cố định được cài đặt sẵn trong máy.

5. “Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng” (sau đây gọi tắt là Điểm kinh doanh) là một căn phòng hoặc một số căn phòng được kết nối với nhau thành một khu vực riêng biệt trong cơ sở lưu trú du lịch thuộc địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

6. “Người chơi” là các cá nhân thuộc đối tượng được phép chơi các loại hình trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng quy định tại Điều 9 Nghị định này.

7. “Tỷ lệ trả thưởng” là tỷ lệ phần trăm trả thưởng bình quân cho người chơi của máy giật xèng trong một khoảng thời gian hoặc trên số vòng quay nhất định được nhà sản xuất thiết kế và cài đặt cố định trong máy giật xèng hoặc tỷ lệ số tiền người chơi có thể thu được so với số tiền đặt chơi khi chơi các trò chơi điện tử có thưởng khác được quy định tại Thẻ lệ trò chơi.

8. “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh” là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng do Bộ Tài chính cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

9. “Đồng tiền quy ước” là đồng xèng, thẻ, phiếu, điểm số quy đổi và các hình thức thay thế tiền mặt khác được sử dụng thay thế tiền để phục vụ cho việc tổ chức loại hình trò chơi điện tử có thưởng và chỉ có giá trị sử dụng trong Điểm kinh doanh.

10. “Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh” là người được doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng giao quản lý, điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo hoạt động tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải gắn với hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển về du lịch và phải đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

3. Việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải tuân thủ đầy đủ quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

2. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc bị tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Để các cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 Nghị định này vào Điểm kinh doanh với bất kỳ hình thức, lý do nào.

6. Cho phép, tổ chức cá cược trực tiếp giữa người chơi với người chơi dựa trên kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

7. Gian lận trong quá trình tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

8. Có các hành vi làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép địa điểm để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

10. Tổ chức, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng trái phép qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet.

11. Lợi dụng hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng để buôn lậu, vận chuyển ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý và thực hiện các hình thức rửa tiền.

12. Xác nhận số tiền trúng thưởng không, xác nhận không đúng sự thật hoặc không đúng thẩm quyền hoặc gây khó khăn cho người chơi khi xác nhận mà không có lý do chính đáng.

13. Lợi dụng việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng để tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trái phép.

14. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Điều 5. Điểm kinh doanh

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) chỉ được phép tổ chức các trò chơi điện tử có thưởng tại một Điểm kinh doanh duy nhất được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Điểm kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được bố trí cách ly ra khỏi các khu vực tổ chức hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp và có cửa ra, vào riêng;

b) Có các thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động trong Điểm kinh doanh (24/24h). Các hình ảnh phải được lưu trữ đầy đủ trong thời hạn tối thiểu 180 ngày kể từ ngày ghi hình và đảm bảo hình ảnh rõ nét tại các vị trí sau: khu vực cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước;

c) Tuân thủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

d) Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh.

Điều 6. Thời gian hoạt động

1. Thời gian doanh nghiệp được phép tổ chức hoạt động kinh doanh là tất cả các ngày trong năm, trừ các ngày không được hoạt động theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp được quyền tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo nhu cầu quản lý. Trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh tối thiểu 15 ngày, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản với Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao (sau đây gọi là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Công an tỉnh, Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý. Nội dung thông báo phải nêu rõ thời điểm tạm ngừng kinh doanh, lý do tạm ngừng kinh doanh, thời gian dự kiến tiếp tục kinh doanh trở lại. Trong trường hợp có thay đổi về thời điểm tiếp tục kinh doanh trở lại, doanh nghiệp phải thông báo lại cho các cơ quan này bằng văn bản. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết tại Điểm kinh doanh tối thiểu 24 giờ trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh.

3. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người chơi biết về thời điểm ngừng kinh doanh, ngay sau khi cơ quan quản lý nhà nước công bố quyết định yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

Điều 7. Số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh căn cứ vào tổng số buồng lưu trữ đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trữ với tỷ lệ 05 buồng lưu trữ thì doanh nghiệp được phép kinh doanh tối đa không quá 01 máy trò chơi điện tử có thưởng.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được kinh doanh các chủng loại máy, loại hình trò chơi trên máy trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Thẻ lệ trò chơi

1. Tất cả các trò chơi điện tử có thưởng khi đưa vào kinh doanh, doanh nghiệp phải xây dựng Thẻ lệ trò chơi phù hợp với cách thức chơi, tỷ lệ trả thưởng, thiết kế riêng của từng loại máy và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi. Thẻ lệ trò chơi phải phù hợp với quy định pháp luật và thể hiện đầy đủ các nội dung cơ bản như sau:

- a) Mô tả và giải thích từ ngữ của trò chơi điện tử có thưởng;
- b) Hình ảnh và chỉ dẫn cách sử dụng các chức năng của máy;
- c) Cách thức chơi;
- d) Tỷ lệ trả thưởng;

- d) Cách xác định trúng thưởng;
- e) Xử lý các vấn đề bất thường;
- g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Doanh nghiệp phải niêm yết và phát hành tờ rơi công khai Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Khi thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thẻ lệ trò chơi, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi nội dung của Thẻ lệ trò chơi, doanh nghiệp phải gửi lại bằng văn bản Thẻ lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương và văn bản nêu rõ điều khoản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và lý do sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời doanh nghiệp phải niêm yết công khai Thẻ lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại Điểm kinh doanh.

4. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước phát hiện Thẻ lệ trò chơi có những nội dung không rõ ràng, không hợp lệ hoặc không phù hợp với quy định pháp luật, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tài chính có công văn yêu cầu, hướng dẫn về sửa đổi Thẻ lệ trò chơi, doanh nghiệp phải thực hiện sửa đổi Thẻ lệ trò chơi cho phù hợp với quy định pháp luật và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi.

Điều 9. Đối tượng được phép chơi tại các Điểm kinh doanh

1. Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam và còn thời hạn lưu trú tại Việt Nam.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và tự nguyện chấp hành Thẻ lệ trò chơi và các quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người chơi

1. Người chơi có các quyền sau:

- a) Được doanh nghiệp xác nhận và trả thưởng đầy đủ khi trúng thưởng;
- b) Được nhận tiền trả thưởng và chuyển hoặc mang tiền trả thưởng bằng ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- c) Được yêu cầu doanh nghiệp giữ bí mật về thông tin trúng thưởng và nhận thưởng;
- d) Được quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với doanh nghiệp về kết quả trả thưởng; tố cáo các hành vi gian lận, vi phạm quy định của Nghị định này và quy định pháp luật;
- đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định trong Thẻ lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố.

2. Người chơi có các nghĩa vụ sau:

a) Phải mang theo các giấy tờ để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Có trách nhiệm tuân thủ Thẻ lệ trò chơi, nội quy, quy định quản lý nội bộ có liên quan của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Không được sử dụng kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh để cá cược trực tiếp với nhau;

d) Không được gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh

1. Các đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Các nhân viên, người lao động của doanh nghiệp; nhân viên, người lao động của tổ chức cung cấp dịch vụ có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp được phép ra, vào Điểm kinh doanh để làm việc theo sự phân công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải lập và công bố danh sách cập nhật các nhân viên, người lao động của doanh nghiệp; nhân viên, người lao động của tổ chức cung cấp dịch vụ có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp được phép ra, vào để làm việc tại Điểm kinh doanh.

3. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thực thi việc kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp theo quy định của luật pháp.

4. Các cá nhân nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này chỉ được vào Điểm kinh doanh để thực thi các nhiệm vụ liên quan theo phân công, nghiêm cấm vào Điểm kinh doanh để tham gia các trò chơi điện tử có thưởng.

5. Doanh nghiệp phải mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát tất cả các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh. Sổ theo dõi được lập theo hình thức ghi sổ hoặc thông tin điện tử. Sổ theo dõi phải được lưu trữ trong thời hạn tối thiểu 02 năm để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

a) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 9 Nghị định này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mã số thẻ điện tử (nếu có);
- Họ và tên;
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;
- Quốc tịch;

- Ảnh nhận diện (nếu được cấp thẻ điện tử);
- Thời gian ra, vào Điểm kinh doanh;
- Các thông tin khác có liên quan đến việc kiểm soát người chơi theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

b) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mã số thẻ điện tử (nếu có);
- Họ và tên, ảnh nhận diện (nếu được cấp thẻ điện tử);
- Vị trí, chức danh công việc được phân công tại Điểm kinh doanh;
- Thời gian làm việc tại Điểm kinh doanh;
- Các thông tin khác có liên quan đến việc kiểm soát đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Điều 12. Quản lý đồng tiền quy ước

1. Các đồng tiền quy ước của từng doanh nghiệp phải có dấu, ký hiệu riêng để nhận dạng và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Mệnh giá của đồng tiền quy ước được phép ghi bằng đồng Việt Nam hoặc bằng một loại ngoại tệ chuyển đổi. Việc quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước bằng ngoại tệ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Doanh nghiệp không được phép sử dụng đồng tiền quy ước của các doanh nghiệp khác để kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải thực hiện quản lý chặt chẽ đồng tiền quy ước theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính để làm cơ sở cho việc xác định doanh thu của doanh nghiệp và phải đăng ký về mẫu mã, số lượng, chủng loại với Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp có thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký lại với Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

Điều 13. Quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước và thiết bị trò chơi

1. Các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phải phù hợp với số lượng, chủng loại và các loại hình trò chơi điện tử có thưởng mà doanh nghiệp được phép kinh doanh và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

2. Quy định về máy trò chơi điện tử có thưởng

a) Các máy trò chơi điện tử có thưởng mua, nhập khẩu để sử dụng trong Điểm kinh doanh phải là máy mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà

sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng công bố và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định;

b) Tỷ lệ trả thưởng cố định tối thiểu đối với các máy giặt xèng là 90% (đã bao gồm giải thưởng tích lũy) và được cài đặt sẵn trong máy. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi tỷ lệ trả thưởng ngoài tỷ lệ trả thưởng đã được nhà sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng cài đặt sẵn trong máy thì phải đảm bảo tỷ lệ trả thưởng không thấp hơn tỷ lệ trả thưởng tối thiểu theo quy định, doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại điểm a khoản này kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng và phải quy định cụ thể tỷ lệ trả thưởng trong Thẻ lệ trò chơi;

c) Doanh nghiệp khi mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc làm thủ tục kiểm định máy trò chơi điện tử có thưởng phải yêu cầu nhà sản xuất, cung cấp máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc tổ chức kiểm định độc lập cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp phải mở sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng;
- b) Tên nhà sản xuất;
- c) Xuất xứ, ký mã hiệu (số series) của máy;
- d) Năm sản xuất;
- đ) Năm hết hạn sử dụng (nếu có);
- e) Phần mềm cài đặt trong máy trò chơi điện tử có thưởng;
- g) Ngày mua;
- h) Ngày tái xuất hoặc tiêu hủy;
- i) Giá trị máy;
- k) Số giấy chứng nhận kiểm định và tên tổ chức kiểm định.

4. Doanh nghiệp phải lưu trữ máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi tại một căn phòng riêng biệt nằm trong Điểm kinh doanh trong các trường hợp sau:

a) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi chưa đưa vào kinh doanh hoặc tạm thời không sử dụng;

b) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này trong thời gian chưa tái xuất, tiêu hủy.

Điều 14. Mua, nhập khẩu, tái xuất và tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này được phép mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi. Việc mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu, quy định của pháp luật có liên quan, quy định tại Nghị định này và hướng dẫn, thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về các nội dung được phép phổ biến, lưu hành, bản quyền phần mềm theo quy định của pháp luật về văn hóa.

2. Doanh nghiệp chỉ được mua, nhập khẩu không vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được cấp phép và phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

3. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này được phép mua, nhập khẩu các thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi để thay thế khi cần thiết. Việc mua, quản lý và sử dụng các thiết bị dự phòng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Số lượng thiết bị dự phòng không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị của các máy trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh;

b) Thiết bị dự phòng phải là thiết bị mới 100%;

c) Việc sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế cho thiết bị cũ, hư hỏng phải đảm bảo nguyên tắc không làm tăng số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng được phép kinh doanh.

4. Trong thời hạn 30 ngày, doanh nghiệp phải thực hiện việc tái xuất hoặc tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi hết hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất hoặc bị hỏng, hư hại không thể sửa chữa hoặc khôi phục hoạt động bình thường;

c) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi không còn được sử dụng vào hoạt động kinh doanh do không phù hợp với nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.

5. Việc tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi phải có sự chứng kiến, xác nhận bằng văn bản việc tham gia giám sát quá trình tiêu hủy của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ít nhất một đại diện của Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế địa

phương. Việc tái xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Trong quá trình sử dụng nếu máy trò chơi điện tử có thường bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhưng không được phép can thiệp vào tỷ lệ trả thưởng. Việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thường chỉ được thực hiện trong Điểm kinh doanh hoặc tại các tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thường. Doanh nghiệp phải ký hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa với tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thường và phải lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thường liên quan đến các bộ phận làm thay đổi tỷ lệ trả thưởng thì doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này để kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng.

Điều 15. Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ trong Điểm kinh doanh. Quy chế quản lý nội bộ phải có nội dung cơ bản sau đây:

a) Quy định về quản lý Điểm kinh doanh, bao gồm: Thời gian mở, đóng cửa; kiểm soát đối tượng ra, vào; biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Quy định về quản lý nhân viên làm việc tại Điểm kinh doanh, bao gồm: Đối tượng làm việc, quản lý tại Điểm kinh doanh; trách nhiệm, nghĩa vụ của từng bộ phận, vị trí công tác;

c) Quy định về quy chế tài chính, quy trình quản lý đồng tiền quy ước;

d) Quy định về quy trình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thường, thiết bị trò chơi khác;

đ) Quy định về phương thức giải quyết mối quan hệ giữa người chơi với người chơi, giữa người chơi với doanh nghiệp và giữa người chơi với nhân viên của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ phương thức xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp trên cơ sở của các quy định pháp luật liên quan;

e) Các quy định khác phù hợp với pháp luật của Việt Nam để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

2. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thường, doanh nghiệp phải thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ; quy định cụ thể bằng văn bản chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm soát nội bộ để đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ đúng Quy chế quản lý nội bộ, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật tại doanh nghiệp.

3. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải gửi cho Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh bản Quy chế quản lý nội bộ. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

Điều 16. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn.

2. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải gửi cho Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

Điều 17. Quản lý về việc thanh toán và ngoại hối

1. Doanh nghiệp được chấp nhận sử dụng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản, thẻ tín dụng của người chơi để đổi đồng tiền quy ước khi tham gia các trò chơi điện tử có thưởng. Việc thu, chi ngoại tệ của doanh nghiệp được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và sử dụng số ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản này để trả thưởng cho người chơi khi trúng thưởng và các hoạt động ngoại hối khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có quyền:

a) Tổ chức kinh doanh các chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này;

b) Từ chối bất kỳ cá nhân không thuộc đối tượng được phép ra, vào, chơi tại Điểm kinh doanh;

c) Yêu cầu rời khỏi Điểm kinh doanh bất kỳ đối tượng nào vi phạm Thể lệ trò chơi, nội quy, Quy chế quản lý nội bộ mà doanh nghiệp đã công bố;

d) Yêu cầu tất cả người chơi xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh;

đ) Ký hợp đồng thuê quản lý. Việc thuê quản lý và trả phí thuê quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật và không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng quy định tại Nghị định này;

c) Tổ chức các loại hình trò chơi theo đúng Thể lệ trò chơi đã công bố với người chơi;

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho người chơi. Thực hiện xác nhận tiền trúng thưởng đúng số thực tế nếu người chơi yêu cầu;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của người chơi theo đúng Thể lệ trò chơi và quy định của pháp luật;

e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh;

g) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

i) Giữ bí mật về thông tin trúng thưởng theo yêu cầu của người chơi, ngoại trừ việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

k) Chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 19. Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh:

a) Có trình độ đào tạo tối thiểu từ đại học trở lên;

b) Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh có trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan và phải làm việc toàn bộ thời gian tại Điểm kinh doanh.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Trường hợp thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến Bộ Tài chính kèm theo tài liệu quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định này để chứng minh người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản của doanh nghiệp, Bộ Tài chính có ý kiến chấp thuận hoặc từ chối bằng văn bản về việc thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh. Doanh nghiệp chỉ được thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh sau khi Bộ Tài chính có ý kiến chấp thuận bằng văn bản;

c) Trường hợp vì lý do bất khả kháng dẫn đến doanh nghiệp không có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh thì trong thời hạn tối đa 60 ngày doanh nghiệp phải bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh thay thế và phải có văn bản báo cáo để được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Sau thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh thay thế, doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh cho đến khi bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo quy định.

Chương III

ĐIỀU KIỆN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THUỞNG

Điều 20. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp chỉ được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

a) Doanh nghiệp có cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng 5 sao do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn;

b) Có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

c) Có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này;

d) Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng; năm tài chính liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh có lãi;

đ) Có phương án kinh doanh trò chơi điện tử có thương đảm bảo duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Mỗi cơ sở lưu trú du lịch chỉ được xem xét, cấp một Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chỉ cấp cho doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm các tài liệu cơ bản sau:

1. Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thương.

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.

4. Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trú du lịch.

5. Sơ đồ bố trí Điểm kinh doanh, trong đó có thuyết minh các nội dung cơ bản sau: cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thương; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước; khu vực bố trí thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát và thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng. Báo cáo tài chính được kiểm toán là báo cáo chấp thuận toàn phần. Trường hợp ý kiến kiểm toán ngoại trừ thì yếu tố ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

7. Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

8. Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và Thẻ lệ trò chơi.

9. Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh và kế hoạch triển khai thực hiện.

10. Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.

Điều 22. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp nộp một bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 06 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp xin phép tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

c) Sau khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến; phối hợp Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra tại cơ sở lưu trú du lịch để xác định khu vực bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này; xác định số buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh làm căn cứ xác định số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh theo quy

định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

d) Sau khi được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Điều 23. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định này và có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp;
- d) Số lượng, chủng loại trò chơi điện tử có thưởng;
- đ) Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch;
- e) Thời hạn hiệu lực;
- g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định cụ thể thời hạn hiệu lực được phép kinh doanh (sau đây gọi tắt là thời hạn) trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có hiệu lực thi hành, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

Điều 24. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:

- a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp bị mất, thất lạc, bị hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Doanh nghiệp sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục tổ chức lại, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có);

d) Hồ sơ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp sau khi tổ chức lại đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần cấp lại. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cấp lại là số đã được cấp trước đây.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 25. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi bất kỳ nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này, doanh nghiệp phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Hồ sơ, tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần điều chỉnh.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 26. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn theo quy định tại Nghị định này, nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì tối thiểu 06 tháng trước khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn phải tiến hành xin gia hạn.

2. Điều kiện được gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này;

c) Đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo kết luận của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối

thiếu 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

c) Các hồ sơ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 10 Điều 21 Nghị định này;

d) Bản sao có chứng thực biên bản kết luận đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định này;

đ) Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu:

- Tình hình kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong 03 năm gần nhất tới thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm: thông tin về Điểm kinh doanh; số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh; kết quả kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước) và tình hình chấp hành các quy định của pháp luật kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

- Dự kiến kế hoạch kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian tới, bao gồm: số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng; kết quả kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước); nhu cầu thu, chi ngoại tệ; giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh; thời gian đề nghị gia hạn; kế hoạch triển khai thực hiện và cam kết của doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Quy trình, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 22 Nghị định này.

5. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Thời gian gia hạn trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được gia hạn.

Điều 27. Phí cấp phép

Phí cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí do Bộ Tài chính hướng dẫn.

Điều 28. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mà không triển khai hoạt động kinh doanh, trừ các trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định này;

đ) Vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định này;

e) Doanh nghiệp sau tổ chức lại theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này;

g) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản thông báo doanh nghiệp vi phạm một trong các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này nhưng doanh nghiệp không khắc phục được;

h) Vi phạm nghiêm trọng các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 4, 6, 8, 9, 10 và 11 Điều 4 Nghị định này;

i) Gian lận, giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực và bị thu hồi đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này. Quyết định này sẽ được thông báo cho doanh nghiệp trước 10 ngày, kể từ ngày thực hiện thu hồi.

4. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho Bộ Tài chính trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh có hiệu lực.

5. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp được Bộ Tài chính công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Chương IV

THÔNG TIN, QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI

Điều 29. Cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào cửa và công bố công khai đầy đủ Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố và cung cấp.

Điều 30. Quảng cáo

1. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này mới được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Nội dung quảng cáo bao gồm:

a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Tên trò chơi điện tử có thưởng;

c) Vị trí Điểm kinh doanh;

d) Đối tượng được phép chơi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Vị trí, hình thức quảng cáo

Doanh nghiệp chỉ được quảng cáo dưới hình thức bảng, biển hiệu đặt bên trong cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo người bên ngoài không nghe được, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, doanh nghiệp không được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dưới mọi hình thức và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

Điều 31. Giảm giá, khuyến mại

1. Doanh nghiệp được quyền thực hiện chính sách giảm giá đối với người chơi, mức giảm giá tối đa 2% trên tổng giá trị đồng tiền quy ước đã mua. Khi xác định giá tính thuế được tính theo nguyên tắc thực thu, đã trừ khoản giảm giá.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối tượng được giảm giá, định mức giảm giá và phương thức xác định giá tính thuế được giảm trừ đối với từng sắc thuế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngoài khoản giảm giá quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống, đi lại để khuyến mại cho

người chơi thì các khoản khuyến mại này chỉ được hạch toán vào chi phí theo tỷ lệ quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng chi phí để làm căn cứ xác định mức chi phí khuyến mại tối đa là tổng chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, không bao gồm chi phí khuyến mại và chi phí trả thưởng. Ngoài ra, doanh nghiệp không được khuyến mại cho người chơi dưới mọi hình thức khác.

4. Doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động khuyến mại ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khuyến mại có liên quan.

Chương V

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 32. Chế độ tài chính, thuế

1. Năm tài chính của doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu áp dụng năm tài chính theo công ty mẹ, năm tài chính phải là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan tài chính biết. Năm tài chính đầu tiên của doanh nghiệp mới được thành lập tính từ ngày được cấp phép đến ngày cuối cùng của năm tài chính đăng ký.

2. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đối với nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua các máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng và các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Các khoản ưu đãi về thuế, phí, lệ phí đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về thuế và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, phương thức thu thuế phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 33. Chế độ kế toán và báo cáo

1. Chế độ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán riêng các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Trường hợp các khoản doanh thu, chi phí gắn với các hoạt động kinh doanh khác, doanh nghiệp thực hiện việc phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo nghiệp vụ của các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 34. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm.
2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VI **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA**

Điều 35. Quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện các công việc như sau:

1. Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm:

a) Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo đúng quy định tại Nghị định này;

c) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Nghị định này;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Bộ Công an

a) Chịu trách nhiệm quản lý về an ninh, trật tự đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan để đấu tranh phòng, chống tội phạm có liên quan đến rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống hoạt động đánh bạc trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn quản lý về mặt nội dung, hình ảnh các máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định hiện hành để đảm bảo các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phù hợp với thuần phong, mỹ tục, thẩm mỹ của người Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông chủ động ngăn chặn và không được cung cấp trò chơi điện tử có thưởng qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet;

b) Phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan ngăn chặn việc cung cấp dịch vụ đánh bạc qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet từ nước ngoài vào Việt Nam.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Thực hiện quản lý hoạt động thu, sử dụng ngoại tệ của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

7. Bộ Công Thương

Thực hiện quản lý hoạt động khuyến mại của các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra để đảm bảo việc hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Nghị định này và theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan thuộc địa bàn quản lý triển khai công tác quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn đảm bảo được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Điều 36. Kiểm tra, thanh tra

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh kiểm tra định kỳ 03 năm một lần để xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

Riêng đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này, kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước;

- Về quản lý đối tượng được phép chơi, đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

- Việc chấp hành Quy chế quản lý nội bộ, kiểm soát nội bộ, quy chế tài chính và Thẻ lệ trò chơi;

- Việc quản lý ngoại hối và chấp hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

- Việc chấp hành quy định pháp luật về tài chính, kế toán, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Công an từ cấp huyện trở lên quyết định kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

4. Việc kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này được quyền:

1. Tiếp cận tất cả các căn phòng trong Điểm kinh doanh.

2. Yêu cầu doanh nghiệp, các cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, số liệu, thông tin để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

3. Yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong Điểm kinh doanh trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có đủ cơ sở cho rằng doanh nghiệp đang vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biết để cùng xem xét, phối hợp kiểm tra, thanh tra xử lý theo quy định.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2013/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành được tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trường hợp có nhu cầu, doanh

ng nghiệp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó quy định kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

- Hồ sơ chứng minh số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Các hồ sơ quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9 và 10 Điều 20 Nghị định này. Riêng đối với các doanh nghiệp không có cơ sở lưu trú du lịch không phải nộp hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, trong đó:

- Số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp có sự khác biệt về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng cao nhất.

Riêng đối với doanh nghiệp chưa tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

- Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của

cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

2. Đối với doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được thông báo nộp phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

b) Trường hợp doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã được thông báo nộp phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phải nâng cấp hệ thống camera theo dõi, giám sát điểm kinh doanh đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

4. Đối với doanh nghiệp đang kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng quy định của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP nhưng không đáp ứng quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này được tiếp tục kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng đã mua cho đến khi thay thế máy mới. Trường hợp thay thế máy mới phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 20...

2. Thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính QG;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC CÁC CHUNG LOẠI MÁY, LOẠI HÌNH TRÒ CHƠI VÀ TỶ LỆ MÁY
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỜNG ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Nghị định số .../..../ND-CP ngày của Chính phủ)

TT	Chung loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng	Tỷ lệ máy được phép kinh doanh/tổng số máy thực tế kinh doanh	Số lượng người chơi
1	Máy giặt xèng (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)	$\leq 100\%$	Được thiết kế để đáp ứng chỉ cho một (01) người chơi
2	Máy Roulette (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)	$\leq 15\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc nhưng tối đa không quá 32 người chơi
3	Máy Baccarat điện tử (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
4	Máy Blackjack điện tử (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
5	Máy Sicbo hay Tài Sỉu (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
6	Máy Đua ngựa và máy đánh mạt chược (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
7	Máy chơi Poker (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐƠN XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số/.../NĐ-CP ngày tháng năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Chúng tôi [Tên của doanh nghiệp] làm đơn đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) như sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp
 - Bằng tiếng Việt;
 - Bằng tiếng nước ngoài (nếu có).
2. Loại hình doanh nghiệp.
3. Địa chỉ đặt trụ sở chính.
4. Ngành, nghề kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
5. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
6. Vốn điều lệ.
7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
8. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch theo Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch đang kinh doanh.
9. Điện thoại và email liên hệ.

II. Nội dung xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa đề xuất được phép kinh doanh.

2. Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng dự kiến kinh doanh.

3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

4. Đề xuất thời hạn hoạt động kinh doanh.

5. Dự kiến kế hoạch triển khai hoạt động kinh doanh.

6. Các đề nghị khác của doanh nghiệp (nếu có).

III. Cam kết

1. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chúng tôi cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và các quy định của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Ký tên và đóng dấu

(Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền)

Hồ sơ kèm theo: *Doanh nghiệp liệt kê cụ thể từng tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số/20...../NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).*

PHỤ LỤC SỐ 03
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số .../.../ND-CP ngày của Chính phủ)

BỘ TÀI CHÍNH



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Số:

Ngày:

Nơi cấp: Bộ Tài chính

Số: .../GCN-TCĐTCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Cấp lại lần thứ...: Ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

Điều chỉnh lần thứ...: Ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

Căn cứ Nghị định số/...../ND-CP ngày tháng năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng của [Tên của doanh nghiệp] ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho:

1. Tên doanh nghiệp.
2. Địa chỉ.
3. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
4. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp.

Điều 2. [Tên của doanh nghiệp] được tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng với các nội dung sau:

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh.
2. Chung loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh.
3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

Điều 3. Thời hạn hoạt động kinh doanh

[Tên của doanh nghiệp] được phép tổ chức hoạt động kinh doanh trong thời hạn [...] năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này có hiệu lực. Việc gia hạn thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện hoạt động kinh doanh

1. [Tên của doanh nghiệp] phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật trò chơi điện tử có thưởng tại Nghị định số/20.../ND-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp [Tên của doanh nghiệp] không sở hữu [tên cơ sở lưu trú du lịch] được xếp hạng từ 5 sao hoặc hạng cao cấp trở lên do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này không có hiệu lực.

Điều 5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có hiệu lực từ ngày ký.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này được lập thành bảy (07) bản chính: một (01) bản cấp cho [Tên của doanh nghiệp]; một (01) bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; một (01) bản gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh; bốn (04) bản lưu tại Bộ Tài chính.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 04
ĐƠN XIN CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Chúng tôi [Tên của doanh nghiệp] làm đơn đề nghị Bộ Tài chính cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) như sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp
 - Bằng tiếng Việt;
 - Bằng tiếng nước ngoài (nếu có).
2. Loại hình doanh nghiệp.
3. Địa chỉ đặt trụ sở chính.
4. Ngành, nghề kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
5. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
6. Vốn điều lệ.
7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
8. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch theo Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch đang kinh doanh.
9. Điện thoại và email liên hệ.

II. Nội dung về Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp

1. Tên doanh nghiệp.
2. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp.
3. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
5. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh và số lượng thực tế đang kinh doanh.
6. Chung loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh và thực tế đang kinh doanh.
7. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.
8. Thời hạn hoạt động kinh doanh.

III. Lý do xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

IV. Các nội dung xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa đề xuất được phép kinh doanh.
2. Chung loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng dự kiến kinh doanh.
3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.
4. Thời hạn hoạt động kinh doanh còn lại/Đề xuất thời gian gia hạn hoạt động kinh doanh.
5. Các đề nghị khác của doanh nghiệp (nếu có).

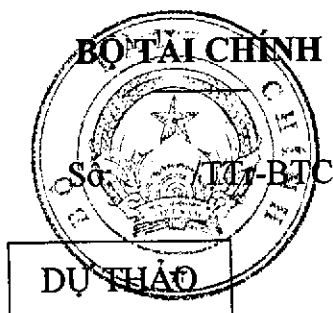
V. Cam kết

1. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chúng tôi cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và các quy định của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Ký tên và đóng dấu

(Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền)

Hồ sơ kèm theo: *Doanh nghiệp liệt kê cụ thể từng tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Điều 24/Điều 25/Điều 26 Nghị định số/20...../NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ¹ về việc rà soát, đánh giá quá trình triển khai, thực hiện Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (Nghị định số 86/2013/NĐ-CP) để sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, lấy ý kiến các Bộ, ngành, doanh nghiệp (02 lần) và lấy ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP

Kể từ năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và 02 Nghị định sửa đổi, bổ sung² quy định cụ thể về việc kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (TCĐTCT). Qua 07 năm triển khai thực hiện Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính đánh giá về kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế như sau:

1. Những kết quả đạt được

- Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung đã đạt được mục tiêu: (i) Từng bước hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên cả 3 phương diện: thể chế chính sách, quản lý, giám sát và xử lý vi phạm hành chính; (ii) Đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

¹ Tại các Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 23/10/2018 và số 101/TB-VPCP ngày 19/3/2019 của Văn phòng Chính phủ.

² Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

để đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; (iii) Thể hiện rõ quan điểm của Chính phủ là chỉ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho những doanh nghiệp sở hữu khách sạn 5 sao, có năng lực tài chính mạnh và gắn với việc thúc đẩy phát triển về du lịch.

- Góp phần đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của một bộ phận người nước ngoài đến làm việc, đầu tư và du lịch tại Việt Nam; hỗ trợ và tạo thêm dịch vụ gia tăng tại các khách sạn, thu hút chi tiêu của khách nước ngoài đến làm việc, đầu tư, du lịch tại Việt Nam; góp phần giải quyết việc làm cho một số lao động ở các địa phương (trung bình 150 lao động trực tiếp/Điểm kinh doanh).

- Thị trường TCĐTCT có sự phát triển về quy mô và từng bước được hiện đại hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Đến cuối năm 2020, có 62 Điểm kinh doanh TCĐTCT đang hoạt động (tăng 2,2 lần so với thời điểm trước khi Nghị định 86/2013/NĐ-CP được ban hành). Trung bình từ năm 2013 đến nay, thị trường TCĐTCT đóng góp cho ngân sách nhà nước khoảng 1.900 tỷ đồng/năm (tăng gần 5 lần so với thời điểm trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành); tạo công ăn việc làm cho khoảng 10.000 lao động ở địa phương.

2. Một số tồn tại, hạn chế

2.1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD không còn mang tính rào cản so với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP đã quy định cụ thể về 05 điều kiện để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, trong đó một trong các điều kiện về năng lực tài chính để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD là doanh nghiệp phải sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 5 sao và phải có vốn điều lệ tối thiểu 200 tỷ đồng. Tuy nhiên, với sự phát triển của kinh tế - xã hội hiện nay, điều kiện về năng lực tài chính này không còn mang tính rào cản để hạn chế doanh nghiệp gia nhập thị trường và đảm bảo kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển. Bộ Tài chính báo cáo cụ thể tại điểm 2.2.1 Mục IV Tờ trình này.

- Theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, điều kiện về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh là một trong các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD và doanh nghiệp phải đảm bảo duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, qua quản lý giám sát và kiểm tra tại 19 doanh nghiệp thời gian qua cho thấy quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa đảm bảo chặt chẽ và doanh nghiệp chưa tuân thủ đầy đủ quy định này, đặc biệt là quy định liên quan đến người quản lý, điều hành. Bộ Tài chính xin báo cáo cụ thể tại điểm 2.2.1 mục IV Tờ trình này.

2.2. Các quy định về tổ chức kinh doanh, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý

Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có quy định xử lý các trường hợp tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập) doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; chưa có quy định chặt chẽ về lưu trữ, quản lý máy, chủng loại,

loại hình TCĐTCT; chưa có chế tài xử lý đối với các trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo duy trì đủ điều kiện trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (như người quản lý, điều hành, sở hữu cơ sở lưu trú...); thiếu chế tài xử lý đối với một số hành vi vi phạm hành chính hoặc mức xử phạt còn nhẹ chưa tương xứng mức độ vi phạm... Bộ Tài chính xin báo cáo cụ thể tại điểm 2.2.2 và 2.2.3 Mục IV Tờ trình này.

2.3. Thời gian qua, một số văn bản luật quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến các quy định của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được Quốc hội ban hành như Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật đầu tư số 61/2020/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14... Dự kiến các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP là những vấn đề lớn, quan trọng liên quan đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, về tổ chức hoạt động kinh doanh; nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến 03 Nghị định gồm Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP. Do vậy, để đảm bảo các quy định của pháp luật về kinh doanh TCĐTCT được sửa đổi, bổ sung được đồng bộ, thống nhất, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định thay thế

1. Mục đích xây dựng Nghị định thay thế

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về điều kiện để được cấp phép kinh doanh TCĐTCT nhằm đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước, không khuyến khích phát triển; chỉ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho khoảng 30 - 40% doanh nghiệp sở hữu cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 5 sao và có năng lực tài chính mạnh.

Thứ hai, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này phù hợp với quy định của pháp luật; khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định thay thế

Căn cứ quy định của pháp luật, Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được xây dựng theo nguyên tắc:

Thứ nhất, dự thảo Nghị định xây dựng theo nguyên tắc kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, tuân thủ quy định của các pháp luật có liên quan như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư...

Thứ hai, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh TCĐTCT nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh này, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

1. Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại các Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 23/10/2018 và số 101/TB-VPCP ngày 19/3/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, xây dựng hồ sơ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và có Công văn số 15413/BTC-TCNH ngày 18/12/2019 lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp về dự thảo Nghị định sửa đổi.

2. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của 06 Bộ, ngành, 45 địa phương và doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và có Công văn số 9155/BTC-TCNH ngày 30/7/2020 lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

3. Ngày 11/9/2020, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 187/BCTĐ-BTP, trong đó đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc trình Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

4. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và có Công văn số 15008/BTC-TCNH ngày 07/12/2020 lấy ý kiến các Bộ ngành (lần 2) đối với dự thảo Nghị định.

5. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, Bộ Tài chính có Công văn số ... lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định thay thế.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị định thay thế

1. Bố cục Nghị định thay thế

Dự thảo Nghị định thay thế gồm 07 Chương, 39 Điều, 04 Phụ lục, bao gồm: Chương I về các quy định chung (04 Điều); Chương II về tổ chức kinh doanh TCĐTCT (14 Điều); Chương III về điều kiện và quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (08 Điều); Chương IV về thông tin, quảng cáo, khuyến mại (03 Điều); Chương V về tài chính, kế toán và kiểm toán (03 Điều); Chương VI về quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra (03 Điều); Chương VII về điều khoản thi hành (02 Điều).

2. Nội dung dự thảo Nghị định

2.1. Những nội dung kế thừa Nghị định số 86/2013/NĐ-CP

Dự thảo Nghị định kế thừa những nội dung còn phù hợp của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT; nguyên tắc xác định số lượng máy được phép kinh doanh căn cứ số lượng buồng lưu trữ theo tỷ lệ 05 buồng/01 máy; máy TCĐTCT phải là máy mới 100%, phải được các tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại nước G7 kiểm định; quy định về tái xuất/tiêu hủy máy; các nội dung của Thẻ lệ trò chơi, Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ, Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của người chơi; về quảng cáo, các quy định về tài chính, kế toán và kiểm toán; trách nhiệm của các cơ quan

quản lý nhà nước.

2.2. Những nội dung mới

Để tiếp tục hoàn thiện chính sách theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và mục tiêu chỉ cấp phép cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và gắn với việc phát triển về du lịch; nâng cao hiệu quả quản lý giám sát đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung mới, tập trung 03 nhóm chính sách như sau:

2.2.1. Nhóm chính sách về điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD

- Theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCĐTCT (gọi tắt là Giấy chứng nhận ĐĐKKD), doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ 05 điều kiện gồm: (i) có cơ sở lưu trú được xếp hạng từ 5 sao; (ii) có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh; (iii) có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh có trình độ từ đại học trở lên; có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm quản lý hoạt động kinh doanh TCĐTCT; (iv) có vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng; (v) có phương án kinh doanh đảm bảo duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện chủ trương của Chính phủ, dự thảo Nghị định giữ nguyên số lượng điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD là 05 điều kiện nhưng cơ cấu lại các điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD nhằm đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và quy định các điều kiện có tính rào cản để hạn chế doanh nghiệp gia nhập thị trường. Cụ thể:

2.2.1.1. Điều kiện về năng lực tài chính của doanh nghiệp

- Theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, một trong những điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD là doanh nghiệp phải sở hữu khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao và phải có vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, số lượng khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao tăng nhanh từ 64 (năm 2013, thời điểm Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành) lên 205 (năm 2020) và về cơ bản các doanh nghiệp sở hữu khách sạn 5 sao đều đáp ứng điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD. Theo đánh giá của Bộ Tài chính, ngoài việc sở hữu khách sạn 5 sao, điều kiện về năng lực tài chính là điều kiện mang tính rào cản để hạn chế doanh nghiệp được cấp phép. Do đó, để đảm bảo kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết sửa đổi nâng cao điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD theo hướng nâng điều kiện về năng lực tài chính. Điều kiện về năng lực tài chính phải xây dựng ổn định trong thời gian dài, mang tính rào cản và xây dựng với mục tiêu chỉ cho phép khoảng 30 - 40% doanh nghiệp sở hữu khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ ĐĐKKD.

- Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định về năng lực tài chính để cấp Giấy chứng nhận đủ ĐĐKKD là doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện: (i) Sở hữu cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 5 sao (tương tự như quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-

CP); (ii) Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng; (iii) Kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ về cơ sở đề xuất như sau:

+ Theo Báo cáo tài chính kiểm toán của 25 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD kể từ năm 2016, tổng vốn đầu tư để đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao trong đó có kinh doanh TCDTCT là 1.670 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*). Hiện nay, các ngân hàng thương mại chỉ cho doanh nghiệp vay tối đa không quá 70% tổng vốn đầu tư của dự án. Vì vậy, để có thể đầu tư, xây dựng khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao, doanh nghiệp phải có vốn (vốn chủ sở hữu/vốn điều lệ) tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư, tương đương với khoảng 500 tỷ đồng ($1.670 * 30\% = 501$).

+ Theo Báo cáo tài chính kiểm toán của 11 doanh nghiệp đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, chỉ có 36% (04/11 doanh nghiệp) đáp ứng được điều kiện phải có vốn điều lệ tối thiểu 500 tỷ đồng và hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.

(Bộ Tài chính trình kèm Phụ lục 1 cơ sở đề xuất điều kiện về năng lực tài chính)

2.2.1.2. Về điều kiện người quản lý, điều hành

- Tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP quy định doanh nghiệp phải bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, trường hợp có thay đổi, doanh nghiệp phải bố trí người quản lý, điều hành đáp ứng đầy đủ về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi.

- Qua công tác kiểm tra định kỳ và quản lý từ xa trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận thấy một số tồn tại, bất cập như sau: (i) Doanh nghiệp thay đổi người quản lý, điều hành nhưng không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước; (ii) Doanh nghiệp thay đổi người quản lý, điều hành và có thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhưng người quản lý, điều hành không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn; (iii) Thay đổi người quản lý, điều hành không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật nhưng không thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước và chỉ được phát hiện khi Đoàn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề thông thường, việc thay đổi người đại diện pháp luật hoặc người quản lý, điều hành chỉ cần thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (khoản 2 Điều 7 Luật đầu tư năm 2020 và khoản 1 Điều 8 Luật doanh nghiệp năm 2020). Theo quy định của pháp luật về kinh doanh TCDTCT, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh là một điều kiện đầu tư, kinh doanh mà doanh nghiệp phải đáp ứng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định riêng một Điều về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo hướng: (i) Giữ nguyên điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý, điều hành hiện đang quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP; (ii)

Bổ sung trách nhiệm người quản lý, điều hành phải quản lý, điều hành, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động kinh doanh TCĐTCT tại Điểm kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phải làm việc toàn bộ thời gian tại Điểm kinh doanh; (iii) Bổ sung quy định khi có thay đổi người quản lý, điều hành, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành đáp ứng đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định và phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thay đổi; (iv) Bổ sung quy định trong trường hợp vì lý do bất khả kháng dẫn đến doanh nghiệp không có người quản lý, điều hành thì trong thời hạn 60 ngày doanh nghiệp phải bố trí người quản lý, điều hành đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn thay thế và phải có văn bản báo cáo để được Bộ Tài chính chấp thuận. Sau thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không bố trí được người quản lý, điều hành đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh cho đến khi bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo quy định.

2.2.1.3. Về điều kiện Điểm kinh doanh

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, doanh nghiệp phải có hệ thống camera theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động tại Điểm kinh doanh với thời gian lưu trữ hình ảnh camera tối thiểu là 15 - 30 ngày tùy từng vị trí.

- Qua công tác kiểm tra định kỳ tại 19 doanh nghiệp, Bộ Tài chính nhận thấy dữ liệu hình ảnh camera là yếu tố quan trọng để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh. Tuy nhiên, quy định về thời gian lưu trữ hình ảnh camera từ 15 - 30 ngày tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP là ngắn để có thể đối chiếu, đánh giá việc tuân thủ trong tổ chức kinh doanh TCĐTCT của doanh nghiệp.

Do đó, để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát doanh nghiệp tuân thủ quy định pháp luật, dự thảo Nghị định nâng thời gian lưu trữ hình ảnh camera tại Điểm kinh doanh lên 180 ngày (tương tự pháp luật về kinh doanh casino) và phải đảm bảo rõ nét. Đồng thời, bổ sung quy định chuyển tiếp trong thời gian 180 ngày doanh nghiệp phải đầu tư nâng cấp hệ thống lưu trữ hình ảnh camera đáp ứng yêu cầu của Nghị định thay thế. Theo đánh giá của Bộ Tài chính, việc kéo dài thời gian lưu trữ camera không quá tốn kém chi phí của doanh nghiệp mà mang lại hiệu quả tích cực về quản lý, giám sát. Qua rà soát, chi phí để nâng cấp hệ thống camera theo dõi 01 Điểm kinh doanh có quy mô trung bình (50 máy) và lưu trữ hình ảnh trong 180 ngày khoảng 245 triệu đồng là không quá lớn.

(Bộ Tài chính trình kèm Phụ lục 2 đánh giá chi phí nâng cấp camera).

2.2.2. Nhóm nội dung về tổ chức hoạt động kinh doanh TCĐTCT

2.2.2.1. Về chủng loại máy và loại hình trò chơi điện tử có thưởng

- Nghị định số 86/2013/NĐ-CP giao Bộ Tài chính quy định về chủng loại máy TCĐTCT. Tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC quy định doanh nghiệp được phép kinh doanh 02 loại máy TCĐTCT gồm: máy dành cho 01 người chơi (máy giật xèng) và máy TCĐTCT khác dành cho nhiều người chơi cùng một lúc (Baccarat, Blackjack, Roulette, Sicbo). Tỷ lệ máy TCĐTCT dành cho nhiều người chơi chiếm tối đa 15% tổng số máy thực tế kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư số

11/2014/TT-BTC không có quy định khống chế số lượng người chơi tối đa đối với máy TCĐTCT dành cho nhiều người chơi.

- Với công nghệ hiện tại, một máy dành cho nhiều người chơi có thể thiết kế cung cấp dịch vụ cho rất nhiều người chơi cùng một lúc (từ 5 cho đến 64, hoặc hơn 100 người) tùy thuộc vào nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về việc nhập khẩu ghế/trạm đối với các loại máy TCĐTCT³, qua rà soát số lượng máy dành cho nhiều người chơi thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh, phần lớn các doanh nghiệp chỉ kinh doanh loại máy nhiều người chơi là từ 5-16 người. Hiện chỉ có 01 doanh nghiệp có máy dành cho nhiều người chơi cùng một lúc là 32 người⁴. Do vậy, nhằm đảm bảo có sự quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước về chủng loại máy, loại hình TCĐTCT và tỷ lệ máy TCĐTCT, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về máy TCĐTCT, chủng loại, loại hình TCĐTCT như sau:

+ Quy định cụ thể danh mục các chủng loại máy, loại hình trò chơi được phép kinh doanh (hiện đang quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 86/2013/NĐ-CP) tại Nghị định, theo đó có 02 chủng loại máy được phép kinh doanh gồm: (i) Máy được thiết kế cho 01 người chơi; (ii) Máy được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người chơi cùng một lúc nhưng tối đa không quá 32 người chơi cùng một lúc. Tỷ lệ máy thiết kế để đáp ứng cho nhiều người chơi cùng một lúc tối đa được phép kinh doanh là 15% tổng số máy doanh nghiệp thực tế kinh doanh.

+ Bổ sung quy định doanh nghiệp phải lưu trữ các tài liệu về kiểm định máy để phục vụ công tác thanh, kiểm tra, trường hợp máy TCĐTCT được kiểm định chung theo lô thì phải yêu cầu nhà sản xuất, cung cấp máy, tổ chức kiểm định xác nhận máy TCĐTCT của doanh nghiệp thuộc lô hàng đã được kiểm định.

2.2.2.2. Về quản lý máy TCĐTCT, thiết bị trò chơi và đồng tiền quy ước

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có quy định về quản lý máy TCĐTCT, thiết bị trò chơi và đồng tiền quy ước (Điều 13) và quy định về việc trong quá trình sử dụng nếu các máy TCĐTCT bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa (Điều 14). Tuy nhiên, Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể để quản lý việc bảo dưỡng, sửa chữa máy, về đơn vị thực hiện, địa điểm thực hiện, chưa có quy định về quản lý đối với các trường hợp máy chưa đưa vào sử dụng, máy bị hư hỏng...

- Qua công tác quản lý, giám sát và kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp cho thấy việc bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT là nhu cầu thường xuyên của doanh nghiệp và thường là bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, liên quan đến các vấn đề kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật điện, vệ sinh định kỳ, thay các thiết bị phụ trợ như màn hình, nút bấm... Tại Việt Nam chưa có các đơn vị được các nhà sản xuất máy TCĐTCT ủy quyền để thực hiện chức năng bảo dưỡng, sửa chữa máy. Có trường hợp doanh nghiệp có máy

³ Thông báo số Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 23/10/2018 của Văn phòng Chính phủ.

⁴ Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội.

TCĐTCT, thiết bị trò chơi bị hỏng nhưng không sửa chữa hoặc lưu trữ tại Điểm kinh doanh mà thuê địa điểm ở khu vực khác ngoài cơ sở lưu trữ du lịch để sửa chữa hoặc chuyển đến Điểm kinh doanh khác trong cùng hệ thống để sửa chữa.

Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT phải chịu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về quản lý máy TCĐTCT, thiết bị trò chơi, đồng tiền quy ước theo hướng:

+ Bổ sung quy định trong quá trình sử dụng nếu các máy TCĐTCT bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhưng không được phép can thiệp vào tỷ lệ trả thưởng. Việc bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT chỉ được thực hiện bên trong Điểm kinh doanh hoặc tại các tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT. Doanh nghiệp phải ký hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa với tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT và phải lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT liên quan đến các bộ phận làm thay đổi tỷ lệ trả thưởng thì doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập để kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng.

+ Bổ sung quy định doanh nghiệp phải lưu trữ máy TCĐTCT, thiết bị trò chơi, đồng tiền quy ước chưa đưa vào kinh doanh, tạm thời không sử dụng hoặc bị hỏng, hư hại, chờ tái xuất, tiêu hủy tại một căn phòng riêng biệt nằm trong Điểm kinh doanh.

+ Bổ sung quy định về mua thiết bị dự phòng (hiện đang quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC lên Nghị định), theo đó doanh nghiệp được phép mua các thiết bị dự phòng để thay thế khi cần thiết với số lượng không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị của các máy TCĐTCT được phép kinh doanh và phải đảm bảo nguyên tắc thiết bị dự phòng phải mới 100% và không làm tăng số lượng, chủng loại, loại hình máy TCĐTCT.

2.2.2.3. Về cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chỉ quy định về các trường hợp cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Các thủ tục hành chính về thành phần hồ sơ, quy trình, thủ tục điều chỉnh, gia hạn Giấy phép được quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC.

- Theo quy định của Luật ban hành VBQPPL, thủ tục hành chính không được quy định ở cấp Thông tư. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ đưa các quy định về trình tự, thủ tục và mẫu đơn cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận ĐKKD, mẫu Giấy chứng nhận ĐKKD hiện đang quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC lên quy định tại dự thảo Nghị định. Việc đưa các thủ tục hành chính từ Thông tư 11/2014/TT-BTC lên dự thảo Nghị định không tạo ra thủ tục hành chính mới và bảo đảm việc theo dõi, áp dụng pháp luật được thuận lợi và khả thi.

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có quy định về các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh TCĐTCT. Để phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự và Luật doanh nghiệp, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp⁵,

⁵ Tại các Công văn số 187/BCTĐ-BTP ngày 11/9/2020 và Công văn số 63/BTP-PLDSKT ngày 11/01/2021.

Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định doanh nghiệp sau tổ chức lại (gồm chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định của pháp luật doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận ĐKKD và quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp sau tổ chức lại không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh TCĐTCT thì bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD.

2.2.2.4. Về thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và phải đảm bảo duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (khoản 1 Điều 8); Nghiêm cấm việc kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động (khoản 6 Điều 16).

- Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có chế tài xử lý đối với các trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo duy trì đủ điều kiện trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (điều kiện người quản lý, điều hành⁶, sở hữu cơ sở lưu trú 5 sao...); doanh nghiệp vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong kinh doanh TCĐTCT...

- Vì vậy, để khắc phục tồn tại, hạn chế nêu trên, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD đối với 04 trường hợp: (i) Doanh nghiệp sau tổ chức lại theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kinh doanh TCĐTCT; (ii) Trong thời hạn 90 kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho doanh nghiệp vi phạm điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD và phải thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng doanh nghiệp không khắc phục được (tương tự quy định thu hồi giấy phép của pháp luật thanh toán không dùng tiền mặt); (iii) Vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong kinh doanh TCĐTCT; (iv) Gian lận, giả mạo tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.

2.2.3. Nhóm nội dung về kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

a) Về kiểm tra trước khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có quy định về kiểm tra thực tế trước khi cấp Giấy chứng nhận ĐKKD để đảm bảo: (i) Khu vực dự kiến bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng quy định của pháp luật; (ii) Xác định đúng số lượng máy tối đa được phép kinh doanh (theo tỷ lệ 05 buồng lưu trú đang kinh doanh tương ứng với 01 máy TCĐTCT).

- Do đó, tiếp thu ý kiến Bộ Công an và Bộ KHĐT, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định bổ sung nội dung kiểm tra thực tế vào quy trình cấp Giấy chứng nhận ĐKKD để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.

b) Về kiểm tra định kỳ

⁶ Bộ Tài chính đã có văn bản yêu cầu khắc phục nhưng doanh nghiệp kéo dài, không thực hiện khắc phục. Tuy nhiên, chưa có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với hành vi này.

- Theo quy định Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, công tác kiểm tra đối với kinh doanh TCĐTCT được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất, cụ thể:

+ Đối với công tác kiểm tra định kỳ: (i) UBND cấp tỉnh kiểm tra định kỳ hàng năm; (ii) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp các Bộ Công an, KHĐT, VHTTDL, NHNN và UBND cấp tỉnh kiểm tra định kỳ 03 năm/lần.

+ Đối với công tác kiểm tra đột xuất: UBND cấp tỉnh và cơ quan công an từ cấp huyện trở lên quyết định kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

- Qua thực tế triển khai, quy định trên dẫn đến chồng chéo, trùng lặp do thành phần đoàn kiểm tra liên ngành đã bao gồm đại diện UBND cấp tỉnh và trong 01 năm có thể có 02 đoàn kiểm tra tại 01 doanh nghiệp. Ngoài ra, UBND cấp tỉnh có thể thực hiện kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm.

- Do đó, để tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các đoàn kiểm tra định kỳ của Bộ, ngành và địa phương, tránh việc doanh nghiệp bị kiểm tra nhiều lần trong một năm, dự thảo Nghị định bãi bỏ quy định về việc kiểm tra định kỳ 01 năm/lần của UBND cấp tỉnh và giao UBND cấp tỉnh, cơ quan công an cấp huyện trở lên thực hiện kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

V. Tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành

Tại các văn bản tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, về cơ bản các Bộ, ngành nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định. Ngoài ra, có một số ý kiến tham gia, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

1. Về bổ sung quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đề nghị bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ tại dự thảo Nghị định do các quy định này đang được quy định tại cấp Thông tư của NHNNVN là không phù hợp quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ý kiến của Bộ Tài chính:

- Theo quy định tại Điều 40 Pháp lệnh ngoại hối, NHNN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động ngoại hối, xây dựng và ban hành chính sách quản lý ngoại hối, hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ chứng từ và thông tin báo cáo.

- Việc bổ sung quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ, mẫu đơn, mẫu Giấy phép, quản lý, giám sát hoạt động ngoại hối và hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra trong hoạt động kinh doanh ngoại hối đối với hoạt động TCĐTCT cần phải được xây dựng phù hợp với mục tiêu quản lý nhà nước về quản lý nhà nước về ngoại hối và TCĐTCT. Vì vậy, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với NHNN có ý kiến bằng văn bản

về bổ sung nội dung quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ trong quá trình thẩm định dự thảo Nghị định.

2. Bộ KHĐT đề nghị cân nhắc quy định doanh nghiệp báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận khi thay đổi người quản lý điều hành để không tạo ra thủ tục hành chính mới, đơn giản hóa về thủ tục thực hiện.

Ý kiến của Bộ Tài chính:

Như đã báo cáo tại điểm b mục 2.2.1 ở trên, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh là một điều kiện đầu tư, kinh doanh mà doanh nghiệp phải đáp ứng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, do vậy khi có thay đổi người quản lý, điều hành, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành đáp ứng đủ điều kiện và phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thay đổi là cần thiết. Tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể về điều kiện, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ đảm bảo công khai, minh bạch và đơn giản về thủ tục trong quá trình triển khai thực hiện (tương tự như quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như bảo hiểm⁷). Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định.

VI. Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên và vấn đề bình đẳng giới

Qua rà soát, dự thảo Nghị định đã phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đồng thời, không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

VII. Dự kiến nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

1. Về nhân lực

Dự kiến khi Nghị định thay thế ban hành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định có trách nhiệm thực thi Nghị định, trong đó Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh TCĐTCT. Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính là đơn vị thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về kinh doanh TCĐTCT theo quy định của pháp luật. Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và phối hợp Bộ Tài chính trong cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT.

Như vậy, đã đảm bảo nguồn nhân lực cho việc tổ chức thi hành Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành.

⁷ Điều 34 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm

2. Về kinh phí

Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành bao gồm: (1) Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành được thực hiện theo quy định của pháp luật; (2) Kinh phí tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định: không phát sinh so với các năm trước vì đây là các công việc quản lý nhà nước thường xuyên. Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi ban hành được dự toán và được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước theo định mức quy định.

VIII. Kiến nghị

Trên đây là ý kiến Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định.

(Xin trình kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (5) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính); (6) Báo cáo tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (NTQTrang-6b)

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc

PHỤ LỤC 1

Cơ sở đề xuất điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-BTC ngày tháng năm 2021)

Bộ Tài chính đề xuất quy định điều kiện về năng lực tài chính để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD là phải có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng và hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD căn cứ sau:

1. Đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển; phải gắn với hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp là kinh doanh dịch vụ lưu trú nhằm phát triển du lịch và phải đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Về định hướng, mục tiêu xây dựng điều kiện về tài chính để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD phải ổn định trong thời gian dài, mang tính rào cản và chỉ cho phép khoảng 30 - 40% cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 5 sao đủ đáp ứng điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ ĐKKD.

2. Theo số liệu tại Báo cáo tài chính được kiểm toán của 23 doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận ĐKKD kể từ năm 2016 (thời điểm Chính phủ ban hành Nghị định số 175/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng) và 11 doanh nghiệp đang đề nghị Bộ Tài chính thẩm định cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

2.1. Về xác định mức vốn điều lệ:

- Chi phí đầu tư bình quân để xây dựng khách sạn 5 sao (bao gồm đầu tư xây dựng khách sạn, đầu tư mua sắm các trang thiết bị cho khách sạn) là 1.520 tỷ đồng.

- Chi phí đầu tư cho 01 Điểm kinh doanh có quy mô trung bình là 50 máy là 150 tỷ đồng, bao gồm:

+ Chi phí đầu tư trung bình đầu tư mua máy TCĐTCT là 100 tỷ đồng (=50 máy x 2 tỷ đồng/máy).

+ Chi phí đầu tư xây dựng, thiết kế và mua sắm trang thiết bị khác và chi phí vận hành Điểm kinh doanh bình quân khoảng 50 tỷ đồng.

Như vậy, tổng chi phí đầu tư để đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao trong đó có kinh doanh TCĐTCT là 1.670 tỷ đồng (=1.520 + 150).

- Thông thường, Quy chế cho vay của các ngân hàng thương mại quy định doanh nghiệp có thể vay vốn đối với mỗi dự án tối đa khoảng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động), doanh nghiệp phải có vốn tự có tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư. Vì vậy, đối với các dự án đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao, trong đó có hoạt động kinh doanh TCĐTCT (với mức vốn khoảng 1.670 tỷ đồng) thì phải có vốn tự có tối thiểu là 501 tỷ đồng ($1.670 \times 30\% = 501$).

2.2. Kể từ năm 2016 đến nay, Bộ Tài chính đã cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD cho 25 doanh nghiệp. Theo báo cáo tài chính kiểm toán của 25 doanh nghiệp này:

- Có 11/25 doanh nghiệp có vốn điều lệ trên 500 tỷ đồng và có 11/25 doanh nghiệp có vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 500 tỷ đồng.
- Có 10/25 doanh nghiệp kinh doanh có lãi trước năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD.
- Chỉ có 05/25 doanh nghiệp vừa đáp ứng điều kiện vốn điều lệ 500 tỷ đồng và kinh doanh có lãi trước năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD.

2.3. Hiện Bộ Tài chính đang thẩm định cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD cho 11 doanh nghiệp. Theo báo cáo tài chính kiểm toán của 11 doanh nghiệp này:

- Có 4/11 doanh nghiệp có vốn điều lệ và vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 500 tỷ đồng.
- Có 4/11 doanh nghiệp vừa đáp ứng điều kiện vốn điều lệ 500 tỷ đồng và kinh doanh có lãi trước năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD (tỷ lệ 36,4%).

(Bảng thống kê chi tiết các doanh nghiệp đính kèm).

3. Với mục tiêu chỉ cho phép khoảng 30 - 40% cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 5 sao đủ đáp ứng điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ ĐĐKKD, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định điều kiện về năng lực tài chính để được cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD là phải có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng và hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD.

PHỤ LỤC 2

Đánh giá chi phí đầu tư bổ sung để nâng cấp hệ thống camera
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-BTC ngày tháng năm 2021)

Qua rà soát phương án kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT và tham khảo mặt bằng chung của thị trường, Bộ Tài chính đánh giá chi phí đầu tư bổ sung để nâng cấp hệ thống camera theo dõi 01 Điểm kinh doanh có quy mô trung bình (50 máy TCĐTCT) lưu trữ hình ảnh trong 180 ngày khoảng 245 triệu đồng là không lớn, cụ thể:

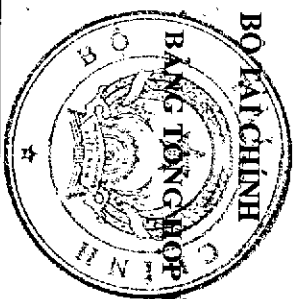
Phương án: Đầu tư hệ thống camera có thể lưu trữ hình ảnh trong 30 ngày theo quy định hiện hành

STT	Thiết bị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Đầu ghi	6	25.000.000	150.000.000
2	Camera	100	3.000.000	300.000.000
3	Ổ cứng 6T	10	7.000.000	70.000.000
4	Dây cáp camera	6	2.500.000	15.000.000
	Tổng cộng			535.000.000

Phương án: Đầu tư hệ thống camera có thể lưu trữ hình ảnh trong 180 ngày theo quy định dự thảo Nghị định

STT	Thiết bị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
I	Hệ thống lưu trữ 30 ngày			535.000.000
1	Đầu ghi	6	25.000.000	150.000.000
2	Camera	100	3.000.000	300.000.000
3	Ổ cứng 6T	10	7.000.000	70.000.000
4	Dây cáp camera	6	2.500.000	15.000.000
II	Nâng cấp thêm			245.000.000
1	Ổ cứng 6T	30	7.000.000	210.000.000
2	Dây cáp camera	14	2.500.000	35.000.000
III	Tổng cộng (III = I + II)			780.000.000

Từ tình hình trên, Bộ Tài chính đề xuất nâng quy định doanh nghiệp phải có hệ thống camera theo dõi Điểm kinh doanh lưu trữ hình ảnh từ 180 ngày.



BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 86/2013/NĐ-CP VỀ
KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THUỜNG
(Kèm theo Công văn số/BTC-TCNH ngày/2021 của Bộ Tài chính)

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN ĐƠN VỊ THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH
I	THAM GIA CHUNG	Bộ Công an, Bộ KHĐT, Bộ Công thương, Bộ VHTTDL nhất trí sự cần thiết thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và nội dung dự thảo Nghị định. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị làm rõ hơn sự cần thiết xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị điều chỉnh đổi với những quy định quá về “tuần thủ pháp luật khác có liên quan” thành “tuần thủ các quy định pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam có liên quan”. Bộ Tư pháp đề nghị: (i) Rà soát lại ngôn ngữ, hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; (ii) Bổ sung tại phần căn cứ ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ; (iii) Bổ sung khái niệm “thiết bị trò chơi”; (iv) Làm rõ sự khác nhau giữa “người quản lý, điều hành” và vị trí “quản lý” tại khoản 8 Điều 2 và điểm d khoản 1 Điều 18 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định là kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính trong kinh doanh TCBDCT trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, ý kiến của Bộ TT&TT đã được thể hiện. Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
II	THAM GIA CỤ THỂ		
I	Về thời gian hoạt động (Khoản 1 Điều 6)	Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị quy định rõ tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định cấp có thẩm quyền quyết định những ngày không được phép hoạt động kinh doanh và căn cứ để quy định những ngày không được phép hoạt động.	Tại Điều 6 dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp được quyền tự tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo nhu cầu quản lý; thời gian doanh nghiệp được phép tổ chức hoạt động là tất cả các ngày trong năm, trừ các ngày không được hoạt động theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời gian qua, do tác động của dịch bệnh Covid, Thủ tướng

			Chính phủ có Chỉ thị số 16/CT-TTg yêu cầu cách ly xã hội trong thời gian 01 tháng và từng địa phương cũng yêu cầu các tạm đóng cửa toàn bộ các khu vui chơi giải trí trong thời hạn 7-15 ngày tùy vào diễn biến của dịch bệnh. Do đó ý kiến của Bộ TT&TT đã được thể hiện.
2	Về xác định số lượng máy TCĐTCT (Khoản 1 Điều 7)	Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, quy định thống nhất nguyên tắc xác định số lượng máy TCĐTCT cấp phép cho doanh nghiệp dựa trên “tổng số buồng lưu trữ” hay “số lượng buồng lưu trữ đã đưa vào kinh doanh”.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
3	Về đồng tiền quy ước (Khoản 1 Điều 8)	Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị quy định thêm nội dung về đồng tiền quy ước cho từng loại trò chơi/loại máy chơi	- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định đồng tiền quy ước là đồng xèng, thẻ, phiếu, điểm số quy đổi và các hình thức thay thế tiền mặt khác được sử dụng thay thế tiền để phục vụ cho việc tổ chức kinh doanh TCĐTCT. Do đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong các hình thức trên để phù hợp với từng loại máy. - Tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 86/2013/NĐ-CP đã quy định đồng tiền quy ước phải có các thông tin cơ bản: (i) tên; (ii) biểu tượng doanh nghiệp; (iii) mệnh giá... Dự kiến sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn trong đó quy định cụ thể các nội dung về đồng tiền quy ước. Do đó, ý kiến Bộ TT&TT đã được thể hiện - Tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể về chủng loại, loại hình máy TCĐTCT và tỷ lệ máy TCĐTCT được phép kinh doanh (khoản 5, 6 Điều 2, Điều 7, Điều 13, Điều 14 và Phụ lục 1) và các điều kiện kỹ thuật của máy TCĐTCT doanh nghiệp phải đáp ứng (Điều 13). - Về máy TCĐTCT, tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP quy định máy TCĐTCT phải là máy mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà sản xuất máy TCĐTCT công bố và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định. Do đó đã đảm bảo các máy TCĐTCT đủ các điều kiện, tiêu chuẩn (sau
4	Về quản lý máy TCĐTCT, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi (Điều 13)	Bộ VHTTDL đề nghị sửa đổi Điều 13 như sau: “1. Các máy TCĐTCT sử dụng trong Điểm kinh doanh phải phù hợp với số lượng, chủng loại và các tiêu chí TCĐTCT mà doanh nghiệp được phép kinh doanh và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này” vì ngoài điều kiện kỹ thuật thì các máy TCĐTCT còn phải tuân thủ các điều kiện về nội dung được phép phổ biến, lưu hành, bản quyền phần mềm, điều kiện về tỷ lệ trả thưởng 2. a) Các máy TCĐTCT mua, nhập khẩu để sử dụng phải là máy mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà sản	

		xuất máy TCEDTCT công bố, và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định và được phép phổ biến, lưu hành để kinh doanh tại Điểm kinh doanh của doanh nghiệp”.	Khi được các tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp Giấy chứng nhận kiểm định) sẽ được phép kinh doanh tại các nước trên thế giới. Do vậy, ý kiến của Bộ VHITDL đã được thể hiện.
5	Về mua, nhập khẩu, tái xuất và tiêu hủy máy TCEDTCT (Điều 14)	Bộ VHITDL đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau: “1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCEDTCT... Việc mua, nhập khẩu các đồng tiền quy ước, máy TCEDTCT thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu, quy định của Nghị định này và hướng dẫn, <i>thẩm định</i> của Bộ VHITDL. 2. Doanh nghiệp chỉ được mua, nhập khẩu không vượt quá số lượng máy TCEDTCT được cấp phép và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này, <i>nội dung, hình ảnh được cấp phép, phổ biến, lưu hành theo hướng dẫn của Bộ VHITDL,</i>”	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
6	Về Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ và Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền (Điều 15, Điều 16)	Bộ Tư pháp đề nghị cần nhắc, điều chỉnh quy định tại Điều 15, 16 dự thảo Nghị định về các quy định nộp Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ và Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để tránh hiểu nhầm đây là điều kiện kinh doanh.	Hiện tại, trong nước chưa có doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng máy. Trường hợp máy TCEDTCT bị hỏng, doanh nghiệp sẽ phải thuê tổ chức nước ngoài sửa chữa, bảo dưỡng tại Điểm kinh doanh hoặc mang ra nước ngoài để sửa chữa. Tại dự thảo Nghị định đã quy định việc sửa chữa, bảo dưỡng máy TCEDTCT chỉ được thực hiện bên trong Điểm kinh doanh hoặc tại các tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy TCEDTCT. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện sửa chữa bảo dưỡng bên trong Điểm kinh doanh đã có camera giám sát (24h/24h) trong thời hạn 180 ngày (Điều 5, khoản 4 Điều 13 và khoản 6 Điều 14). Doanh nghiệp có trách nhiệm lập sổ quản lý máy trong đó ghi cụ thể về nội dung sửa chữa, bảo dưỡng máy. Do đó, ý kiến của Bộ VHITDL đã được thể hiện.
			Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định

7 Về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh (Điều 19)	Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung quy định cụ thể về hồ sơ, thời điểm, trình tự, thủ tục Bộ Tài chính xem xét, cho ý kiến và thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính khi doanh nghiệp thay đổi người quản lý, điều hành. Bộ KHDĐT đề nghị bổ sung giải trình sự cần thiết đối với việc thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý, điều hành. Bộ KHDĐT đề nghị: (i) cần nhắc việc chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành để không tạo ra thủ tục hành chính mà giữ nguyên thủ tục như quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP hiện tại (doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí đáp ứng điều kiện và thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước, bổ sung quy định thời gian phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước và quy định xử phạt VPHC khi không thông báo; (ii) bổ sung quy định yêu cầu doanh nghiệp thông báo Bộ Tài chính về việc tạm ngừng kinh doanh khi sau 60 ngày không bố trí được người quản lý điều hành; (iii) đề nghị quy định rõ các trường hợp bất khả kháng và lý do đề xuất thời hạn 60 ngày; (iv) đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định về việc doanh nghiệp có được phép kinh doanh trong khi chờ ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính và trong thời gian tìm người thay thế.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định (i) Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh là một điều kiện đầu tư, kinh doanh mà doanh nghiệp phải đáp ứng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, do vậy khi có thay đổi người quản lý, điều hành, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ chúng mình người quản lý, điều hành đáp ứng đủ điều kiện và phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thay đổi là cần thiết. Tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể về điều kiện, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ đảm bảo công khai, minh bạch và đơn giản về thủ tục trong quá trình khai thực hiện (tương tự như quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như bảo hiểm). Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định; (ii) Tài khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh tối thiểu 15 ngày, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản với các cơ quan quản lý nhà nước do đó ý kiến Bộ KHDĐT đã được thể hiện; (iii) Để tránh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Bộ Tài chính không yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong thời gian Bộ Tài chính xem xét hồ sơ thay đổi người quản lý điều hành của doanh nghiệp và cho phép thời gian 60 ngày để doanh nghiệp tìm kiếm người quản lý, điều hành thay thế. Hết thời hạn này, trường hợp doanh nghiệp không có người quản lý điều hành đáp ứng điều kiện mới phải ngừng hoạt động kinh doanh cho đến khi bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo quy định. Bộ Tài chính đề xuất thời gian 60 ngày trên là do đối với hoạt động kinh doanh TCDTCT người quản lý, điều hành chủ yếu
---	--	--

			là người nước ngoài, do đó thời gian 60 ngày là đủ để doanh nghiệp liên hệ, thỏa thuận và hoàn thiện tài liệu chứng minh người quản lý, điều hành đáp ứng điều kiện. Do đó, ý kiến Bộ KHĐT đã được thể hiện
8	Về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Điều 20)	Bộ Công an đề nghị sửa điểm b khoản 3 Điều 20 như sau: “có khu vực dự kiến bố trí Điểm kinh doanh tách biệt với hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp”. Bộ VHTTDL đề nghị sửa đổi điều kiện “có cơ sở lưu trữ xếp hạng 5 sao hoặc hạng cao cấp trở lên”.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
9	Về hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Điều 21)	Bộ KHĐT đề nghị cân nhắc quy định về lý lịch tư pháp của người quản lý, điều hành do lý lịch tư pháp chỉ cấp cho công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
10	Về quy trình cấp Giấy chứng nhận ĐDKKD (Điều 22)	Bộ KHĐT đề nghị giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận ĐDKKD trong quá trình Bộ Tài chính lấy ý kiến thẩm định.	Việc kiểm tra trước khi cấp Giấy chứng nhận ĐDKKD liên quan đến khu vực dự kiến bố trí Điểm kinh doanh và số lượng buồng lưu trú tại khách sạn 5 sao thuộc sở hữu của doanh nghiệp. Thực tế thời gian qua, doanh nghiệp có đầu tư xây dựng khu khách sạn dưới hình thức Condotel (bán cho cá nhân sở hữu), do đó doanh nghiệp không còn sở hữu biệt thự/buồng lưu trú sau khi bán nhưng chỉ được phát hiện khi đoàn liên ngành kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp. Do vậy, để đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCDTCT phải đảm bảo khách quan, minh bạch, trung thực, phải chịu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cần thiết phải có sự tham gia của các Bộ, ngành (Bộ Công an về vấn đề an ninh, trật tự; Bộ VHTTDL về vấn đề sở hữu cơ sở lưu trú), Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định.
11	Về xử lý doanh nghiệp sau khi tổ chức lại (Điều 25)	Bộ Tư pháp căn cứ quy định của Bộ Luật dân sự và Luật doanh nghiệp đề nghị quy định cấp lại Giấy chứng nhận ĐDKKD cho pháp nhân mới hình thành sau khi tổ chức lại, theo đó quy định rõ hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại. Bộ KHĐT đề nghị rà soát lại việc điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐDKKD đối với doanh nghiệp tổ chức lại.	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung quy định doanh nghiệp sau tổ chức lại theo quy định của pháp luật doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận ĐDKKD và quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp sau tổ chức lại không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh TCDTCT thì bị thu hồi Giấy chứng nhận

			ĐDKKD.
12	Về thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Điều 30)	Bộ Công an đề nghị bổ sung quy định thu hồi Giấy chứng nhận ĐDKKD đối với trường hợp vi phạm hành vi bị nghiêm cấm không cho người Việt Nam vào chơi	- Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 46 dự thảo Nghị định đã có chế tài xử phạt 180 - 200 triệu và tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ĐDKKD trong thời hạn 06 - 12 tháng khi doanh nghiệp cho phép đối tượng ra, vào không đúng quy định (bao gồm cho phép người Việt Nam vào chơi); tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ĐDKKD trong thời hạn 12 - 24 tháng nếu doanh nghiệp tái phạm. Như vậy, dự thảo Nghị định đã quy định chế tài xử lý đối với hành vi cho-người Việt Nam vào chơi. Do đó, ý kiến Bộ Công an đã được thể hiện.
		Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc và làm rõ các mốc thời gian liên quan đến thu hồi Giấy chứng nhận ĐDKKD	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
12	Về quảng cáo (Khoản 3 Điều 32)	Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị cân nhắc quy định “đảm bảo người bên ngoài không nghe được, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo” do vị trí đặt quảng cáo bên trong cơ sở lưu trú nên ngoài các đối tượng được phép chơi còn có các khách lưu trú khác không thuộc đối tượng này.	Việc quảng cáo TCDTCT chỉ được bên trong cơ sở lưu trú đảm bảo người bên ngoài không nghe, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo là nhằm hạn chế một phần ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh TCDTCT đến xã hội và vẫn phù hợp với nhu cầu tiếp thị đến khách hàng của doanh nghiệp.
13	Về kiểm tra định kỳ (Khoản 2 Điều 38)	Bộ Công an cho rằng dự thảo Nghị định bỏ quy định UBND tỉnh kiểm tra hàng năm nên đề nghị việc kiểm tra định kỳ 03 năm/lần, kiểm tra lần đầu khi doanh nghiệp hoạt động được 01 năm để kịp thời phát hiện sai phạm, chấn chỉnh, hướng dẫn doanh nghiệp đi vào hoạt động có hiệu quả. Bộ VHTTDL đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật quảng cáo vào điểm b khoản 2 Điều 38	Do thời gian doanh nghiệp triển khai kinh doanh sau khi được cấp phép là chủ động, không cố định nên khó xác định thời điểm doanh nghiệp hoạt động được 01 năm như ý kiến Bộ Công an, gây khó khăn cho Bộ Tài chính phối hợp các Bộ, ngành xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra hàng năm. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định. - Tại Điều 26 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo quy định, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quảng cáo trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về quảng cáo theo quy định của pháp luật. - Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định, việc kiểm tra tuân thủ quy định của pháp luật thực hiện

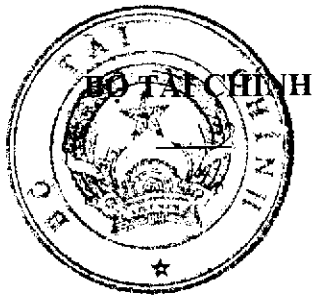
			theo quy định của pháp luật về quảng cáo, không đưa vào dự thảo Nghị định này theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm (không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác)
14	Về quản lý nhà nước	Bộ KHDĐT đề nghị sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 37 như sau: Bộ KHDĐT phối hợp Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ KHDĐT”	Tại dự thảo Nghị định đã quy định Bộ KHDĐT phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Do đó, ý kiến của Bộ KHDĐT đã được thể hiện.
15	Về xử phạt vi phạm hành chính	Bộ Tư pháp đề xuất xây dựng 01 Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng. Bộ Tư pháp và Bộ VHTTDT đề nghị : (i) quy định thời gian tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ĐKKD tại điểm b khoản 4 Điều 43 dự thảo Nghị định thành khung thời gian; (ii) quy định cụ thể chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; (iii) quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND các cấp; (iv) rà soát thẩm quyền xử phạt của các chức danh phù hợp với pháp luật xử lý vi phạm hành chính; (v) bỏ quy định tại khoản 6 Điều 54 dự thảo Nghị định; (vi) đề nghị điều chỉnh lại biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 5 Điều 43 dự thảo Nghị định; (vii) tại Điều 40 đề nghị bổ sung nguyên tắc mức phạt tiền của tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân; những hành vi quy định tại điểm nào, khoản nào chỉ áp dụng đối với tổ chức; (viii) liệt kê cụ thể những biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng tại Nghị định.	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính bỏ Chương VII về Xử phạt vi phạm hành chính. Theo chương trình công tác của Chính phủ trong năm 2021, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định chuyên ngành đối với lĩnh vực kinh doanh đặt cược, kinh doanh casino và kinh doanh TCDCTT (tháng 12/2021); 01 Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng (tháng 10/2021).

		Bộ VHTTDL đề nghị: (i) bỏ sung hành vi sử dụng, kinh doanh máy TCDTCT không được kiểm duyệt nội dung theo quy định của pháp luật (phạt tiền và hình thức phạt bổ sung là tiêu hủy máy vi phạm) tại Điều 50; (iv) Về hành vi vi phạm hành chính cần nhắc chỉ quy định hành vi mà không quy định chủ thể hành vi	
16	Điều khoản chuyển tiếp	Bộ Tư pháp cho rằng Điều 27 dự thảo Nghị định quy định đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển tiếp quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có bao gồm yếu tố chuyển tiếp và đề nghị chuyển quy định này thành mục riêng tại Điều 56 dự thảo Nghị định chuyển tiếp.	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định
17	Về bỏ sung hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối	NHNNVN đề nghị bỏ sung quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ tại dự thảo Nghị định do các quy định này đang được quy định tại cấp Thông tư của NHNNVN là không phù hợp quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	- Theo quy định tại Điều 40 Pháp lệnh ngoại hối, NHNNVN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động ngoại hối, xây dựng và ban hành chính sách quản lý ngoại hối, hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ chứng từ và thông tin báo cáo. - Hiện nay, có 02 lĩnh vực (gồm casino và TCDTCT) được NHNNVN cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối. Do vậy, đề tạo thuận lợi cho việc xây dựng quy định về trình tự, thủ tục cấp phép, mẫu đơn, mẫu Giấy phép, quản lý, giám sát hoạt động ngoại hối và hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh ngoại hối đối với lĩnh vực casino và TCDTCT phù hợp với mục tiêu quản lý nhà nước về quản lý nhà nước của NHNNVN, Bộ Tài chính trình Chính phủ giao NHNNVN ban hành Nghị định quy định về quản lý về việc thanh toán và ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino và TCDTCT, trong đó có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ đối với lĩnh vực này.
18	Danh mục chủng loại máy, loại hình trò chơi	Bộ VHTTDL đề nghị Bộ Tài chính cần nhắc bỏ sung thêm một số loại máy mới có chức năng tích hợp, liên kết mới, hoặc nếu máy cài đặt các loại hình trò chơi đã được quy định tại Phụ lục 1 dự thảo (không phân biệt một hay nhiều người chơi, số lượng trò chơi cài trong một máy)	Tại dự thảo Nghị định quy định chung về các chủng loại máy, loại hình trò chơi. Về cơ bản các máy có chức năng tích hợp hay liên kết đều thuộc 01 trong các chủng loại máy, loại hình trò chơi đã quy định tại dự thảo Nghị định. Do đó, ý kiến của Bộ VHTTDL đã được thể hiện

		thì doanh nghiệp cũng được phép kinh doanh	
19	Bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT	Bộ KHDĐT đề nghị quy định về tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT và phạm vi những hư hỏng mà cần phải sửa chữa do tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT thực hiện.	Qua công tác quản lý, giám sát và kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp cho thấy việc bảo dưỡng, sửa chữa máy TCĐTCT là nhu cầu thường xuyên của doanh nghiệp và thường là việc bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, liên quan đến các vấn đề kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật điện, vệ sinh định kỳ, thay các thiết bị phụ trợ như màn hình, nút bấm.... Do đó, tại Nghị định không cần quy định chi tiết các trường hợp hư hỏng cần sửa chữa, bảo dưỡng.
B Ý kiến các đơn vị trong Bộ			
1	Về số lượng máy TCĐTCT được phép kinh doanh	Vụ Pháp chế đề nghị sửa đổi: “số lượng máy TCĐTCT được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh căn cứ tổng số lượng buồng lưu trữ đã đưa vào kinh doanh...”	Do kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, cần được cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, cần thiết phải quy định cụ thể số lượng máy TCĐTCT doanh nghiệp được phép kinh doanh tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Vụ TCNH trình Bộ giữ như dự thảo Nghị định.
2	Về vốn điều lệ	Vụ Pháp chế đề nghị sửa đổi quy định về điều kiện vốn điều lệ theo hướng có phải có vốn điều lệ đã góp từ 500 tỷ đồng trở lên.	- Tại Luật doanh nghiệp chỉ có quy định về vốn điều lệ, không có quy định về vốn điều lệ đã góp, theo đó vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty (khoản 34 Điều 4). Trong thời hạn 90 ngày doanh nghiệp phải góp đủ vốn điều lệ theo cam kết (khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 75). - Đề xác định doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, tại dự thảo Nghị định quy định về thành phần hồ sơ công ty phải cung cấp báo cáo tài chính năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng, báo cáo tài chính được kiểm toán phải là báo cáo chấp thuận toàn phần. Do đó ý kiến Vụ Pháp chế đã được thể hiện.
3	Về thành phần hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ĐDKKD	Vụ Pháp chế đề nghị nghiên cứu tính cần thiết của thành phần hồ sơ về phương án kinh doanh do dự thảo Nghị định đã bỏ điều kiện là có phương án kinh doanh	Tại dự thảo Nghị định có quy định về các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trong đó có điều kiện về vốn, điều kiện về Điểm kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các

		TCDDTCT đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.	quy định về vị trí, phải bố trí thiết bị camera theo dõi, giám sát, phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ xin phải có Phương án kinh doanh là phù hợp.
4	Về tạm ngừng kinh doanh	Vụ Pháp chế đề nghị bổ sung trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh khi kinh doanh TCDDTCT có nguy cơ, rủi ro đe dọa đến an ninh, trật tự, phòng chống dịch bệnh và quy định rõ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh TCDDTCT.	Tại Điều 38 dự thảo Nghị định quy định trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này được quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong Điểm kinh doanh trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có đủ cơ sở cho rằng doanh nghiệp đang vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biết để cùng xem xét, phối hợp kiểm tra, thanh tra xử lý theo quy định. Theo đó, tại Điều 36 dự thảo Nghị định đã quy định các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng quản lý, kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh TCDDTCT. Do đó, ý kiến của Vụ Pháp chế đã được thể hiện.
5	Về năm tài chính	Vụ Pháp chế đề nghị không cần thiết quy định về năm tài chính riêng đối với doanh nghiệp do Luật kế toán 2015 đã có quy định cụ thể về kỳ kế toán năm, trong đó có điểm khác với quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.	Tại khoản 1 Điều 12 Luật kế toán quy định đối với đơn vị kế toán có đặc thù về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau. Do đó, việc dự thảo Nghị định quy định trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu áp dụng năm tài chính theo công ty mẹ, năm tài chính phải là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau là phù hợp Luật kế toán. Trên thực tế hiện nay một số doanh nghiệp kinh doanh TCDDTCT áp dụng năm tài chính theo công ty mẹ như Công ty Cổ phần Roxy Việt Nam,... Do đó, Vụ TCNH trình Bộ giữ như dự thảo Nghị định.
6	Về thủ tục hành chính	Văn phòng Bộ đề nghị: (i) quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính là gửi hồ sơ trực tiếp hay qua bưu chính hay qua điện tử; (ii) bổ sung quy định về số	- Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đã quy định về phương

		lượng hồ sơ, hình thức (bản chính/bản sao/sao y) của thành phần hồ sơ của thủ tục chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh	thức nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo 03 phương thức: Trực tiếp tại bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; Trực tuyến tại cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính. Hiện nay, đối với các thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCDTCT đã thực hiện đầy đủ cả 03 phương thức trên. Do đó, Vụ TCNH trình Bộ không cần quy định tại dự thảo Nghị định. - Về thủ tục thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh, tại dự thảo Nghị định đã quy định khi có nhu cầu thay đổi người quản lý điều hành, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản đến Bộ Tài chính kèm theo tài liệu là danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh. Do đó, ý kiến của Văn phòng Bộ và Vụ Pháp chế đã được thể hiện.
--	--	---	--



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH MỚI TRONG DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 86/2013/NĐ-CP NGÀY 29/7/2013
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

Thời gian qua Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính làm cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (TCĐTCT). Tuy nhiên, qua quá trình quản lý giám sát, bên cạnh những kết quả đã đạt được cũng đã tồn tại một số hạn chế cần phải sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của thị trường và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 23/10/2018 và Thông báo số 101/TB-VPCP ngày 19/3/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. Dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT, lấy ý kiến rộng rãi công chúng tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày).

Bộ Tài chính xin báo cáo đánh giá tác động của các chính sách mới trong dự thảo Nghị định thay thế này như sau:

I. Tổng quan về những hạn chế, bất cập của chính sách về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người

nước ngoài đã xây dựng hành lang pháp lý đối với hoạt động kinh doanh này. Việc ban hành Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung đã đạt được mục tiêu: (i) Từng bước hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên cả 3 phương diện: thể chế chính sách, quản lý, giám sát và xử lý vi phạm hành chính; (ii) Đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; (iii) Thể hiện rõ quan điểm của Chính phủ là chỉ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho những doanh nghiệp sở hữu khách sạn 5 sao, có năng lực tài chính mạnh và gắn với việc thúc đẩy phát triển về du lịch.

- Góp phần đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của một bộ phận người nước ngoài đến làm việc, đầu tư và du lịch tại Việt Nam; hỗ trợ và tạo thêm dịch vụ gia tăng tại các khách sạn, thu hút chi tiêu của khách nước ngoài đến làm việc, đầu tư, du lịch tại Việt Nam; góp phần giải quyết việc làm cho một số lao động ở các địa phương (trung bình 150 lao động trực tiếp/Điểm kinh doanh).

- Thị trường TCĐTCT có sự phát triển về quy mô và từng bước được hiện đại hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, đóng góp cho nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Cụ thể:

+ Trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành, có 28 doanh nghiệp được phép kinh doanh TCĐTCT tại các khách sạn 3 sao, 4 sao và phục vụ được đối tượng chính là khách du lịch vắng lai nên quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh không cao.

+ Sau khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tài chính phối hợp các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố cấp: (i) 34 Giấy chứng nhận ĐKKD theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP; (ii) 8 Giấy chứng nhận ĐKKD cho các doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển tiếp và có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận ĐKKD. Có 20 Điểm kinh doanh thuộc đối tượng chuyển tiếp (được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh TCĐTCT trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận ĐKKD) được tiếp tục kinh doanh TCĐTCT theo giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép

+ Đến cuối năm 2020, quy mô thị trường TCĐTCT là 62 Điểm kinh doanh TCĐTCT đang hoạt động (tăng 2,2 lần so với thời điểm trước khi Nghị định 86/2013/NĐ-CP được ban hành). Trung bình từ năm 2013 đến nay, thị trường TCĐTCT đóng góp cho ngân sách nhà nước khoảng 1.900 tỷ đồng/năm (tăng gần 5 lần so với thời điểm trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành).

Mặc dù đạt được các kết quả tích cực nêu trên, quá trình triển khai Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP cho thấy hoạt động kinh doanh TCĐTCT cần phải được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo nguyên tắc

kinh doanh TCĐTCT là kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước, trong đó tập trung giải quyết những tồn tại, hạn chế sau:

- Về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP đã quy định các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, với sự phát triển của kinh tế, xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng, đến nay một số điều kiện không còn phù hợp so với điều kiện kinh tế xã hội hiện tại và thực tế kinh doanh.

- Bổ sung một số quy định về tổ chức kinh doanh và các hành vi vi phạm hành chính chưa được quy định cụ thể để đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống pháp luật của Việt Nam thời gian qua đã được Quốc hội điều chỉnh, bổ sung (Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật đầu tư 61/2020/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14...). Mặt khác, pháp lý TCĐTCT được quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và đã được sửa đổi, bổ sung tại 02 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP. Do đó, cần thiết phải xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP để đồng bộ, thống nhất pháp luật, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số 187/BCTĐ-BTP ngày 11/9/2020), để đồng bộ, hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. Việc xây dựng Nghị định đảm bảo nguyên tắc:

Thứ nhất, rà soát, cập nhật với các Luật mới được ban hành như Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về pháp luật.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về điều kiện để được cấp phép kinh doanh TCĐTCT nhằm đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

Thứ ba, kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và Nghị định số

151/2018/NĐ-CP. Đồng thời, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này phù hợp với quy định của pháp luật; khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Nhóm chính sách về điều kiện để được cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành theo nguyên tắc trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, cần kiểm soát chặt chẽ, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện và chỉ được kinh doanh sau khi được cấp phép. Đến nay, một số điều kiện không còn phù hợp, chưa mang tính rào cản, cần thiết phải sửa đổi, hoàn thiện điều kiện kinh doanh để đảm bảo đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển. Các giải pháp về điều kiện cấp phép bao gồm:

1.1. Vấn đề bất cập

a) Đối với điều kiện về tài chính (vốn điều lệ, hoạt động kinh doanh có lãi, sở hữu cơ sở lưu trú)

- Theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, một trong những điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD là doanh nghiệp phải sở hữu khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao và phải có vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, số lượng khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao tăng nhanh từ 64 (năm 2013, thời điểm Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành) lên 186 (năm 2019) và về cơ bản các doanh nghiệp sở hữu khách sạn 5 sao này đều đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng. Do đó, cần thiết sửa đổi điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD để đảm bảo kinh doanh TCĐTCT là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, gắn với kinh doanh dịch vụ lưu trú nhằm phát triển du lịch và phải đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Điều kiện về năng lực tài chính phải xây dựng ổn định trong thời gian dài, mang tính rào cản và xây dựng với mục tiêu chỉ cho phép khoảng 30 - 40% doanh nghiệp sở hữu khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ ĐKKD.

Vì vậy, cần thiết phải nâng điều kiện đầu tư, kinh doanh để đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển.

b) Đối với điều kiện về Điểm kinh doanh

- Theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, doanh nghiệp phải có hệ thống camera theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động tại Điểm kinh doanh với thời gian lưu trữ hình ảnh camera tối thiểu là 15 ngày đến 30 ngày tùy từng vị trí. Phạt tiền từ 90 triệu đồng đến 100 triệu đồng đối với doanh

nghiệp có hành vi bố trí điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định của pháp luật.

- Qua kiểm tra trong giai đoạn 2017 - 2019, có tổng cộng 09 Điểm kinh doanh¹ không đáp ứng điều kiện về thời gian lưu trữ hình ảnh camera theo quy định. Ngoài ra, qua kiểm tra Bộ Tài chính nhận thấy dữ liệu hình ảnh camera là yếu tố quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước đối chiếu, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật TCĐTCT, đặc biệt là kiểm tra đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh. Tuy nhiên, quy định thời gian lưu trữ hình ảnh camera từ 15 đến 30 ngày (tùy từng vị trí) như hiện nay là ngắn, không đủ dữ liệu để kiểm tra, đánh giá trong khi trong giai đoạn kiểm tra là 1 năm (đối với đoàn kiểm tra do UBND tỉnh thực hiện) và 3 năm (đối với đoàn kiểm tra liên ngành). Trong khi đó chế tài xử phạt còn nhẹ, không đảm bảo tính răn đe.

- Qua tham khảo kinh nghiệm một số nước Châu Á có hoạt động kinh doanh TCĐTCT có quy định khác nhau về nội dung này². Hiện nay, Nghị định số 03/2017/NĐ-CP về kinh doanh casino (có tính chất tương tự kinh doanh TCĐTCT) quy định thời gian lưu trữ dữ liệu camera giám sát là 180 ngày.

Do đó, cần nâng điều kiện về điểm kinh doanh để đảm bảo quản lý, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh này.

1.2. Giải pháp:

a) *Giải pháp 1:* Giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

b) *Giải pháp 2:* Xuất phát từ thực tế nêu trên, dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi điều kiện cấp phép, cụ thể: (i) nâng điều kiện về vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng và bổ sung điều kiện doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (*Cơ sở đề xuất vốn điều lệ đính kèm*); (ii) nâng quy định thời gian lưu trữ hệ thống camera giám sát lên 180 ngày.

1.3. Đánh giá tác động

a) *Giải pháp 1:* Việc giữ nguyên điều kiện cấp phép như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP có tác động tích cực theo hướng ổn định về chính sách pháp luật, cơ hội rộng hơn cho các doanh nghiệp tham gia thị trường. Tuy nhiên, về mặt tiêu cực, hiện nay kinh tế xã hội phát triển, các điều kiện cấp phép hiện tại là thấp, đa số các doanh nghiệp sở hữu

¹ Trong đó 07 Điểm kinh doanh do Đoàn kiểm tra liên ngành do Bộ Tài chính chủ trì kiểm tra tại các Khách sạn: Movenpick, Fortuna, Crown Plaza, JW Marriott (Hà Nội); Mường Thanh Sông Lam (Nghệ An); Pullman, Ramana (TP. Hồ Chí Minh) và 02 Điểm kinh doanh do UBND tỉnh kiểm tra tại các Khách sạn Hoàng Cung (Huế) và Khách sạn Phoenix (Bắc Ninh).

² Tại Nhật Bản quy định thời gian lưu trữ camera đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT là 60 ngày, Macao và Campuchia quy định thời gian lưu trữ camera là 30 ngày, Malaysia không quy định cụ thể về thời gian phải lưu trữ nhưng về cơ bản các doanh nghiệp đều có quy định về thời gian lưu trữ camera để phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh và theo dõi người chơi.

khách sạn 5 sao đều có thể đáp ứng nên chưa có tính rào cản đảm bảo kinh doanh TCĐTCT phải được kiểm soát chặt chẽ.

b) Giải pháp 2:

Việc nâng cao điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có tác động như sau:

- Tác động về kinh tế - xã hội: từ việc nâng cao điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh là cơ sở để nâng cao chất lượng doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường kinh doanh TCĐTCT. Việc nâng điều kiện không ảnh hưởng về kinh tế đến doanh nghiệp, do quy định này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp xin cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện thì được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; không yêu cầu doanh nghiệp đã được cấp phép phải nâng vốn điều lệ. Đồng thời, việc nâng cao điều kiện cấp phép góp phần tiết kiệm, giảm được nguồn lực phục vụ cho việc quản lý số lượng lớn doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT quy mô nhỏ, không hiệu quả như hiện nay.

Về mặt xã hội, việc nâng điều kiện cấp phép góp phần đảm bảo nguyên tắc quản lý chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh nhạy cảm như TCĐTCT, hạn chế việc phát triển quá mức và các ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động kinh doanh TCĐTCT đến an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Kiến nghị lựa chọn: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp 2 để đảm bảo nguyên tắc quản lý chặt chẽ đối với kinh doanh TCĐTCT.

2. Nhóm chính sách về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Hoạt động kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, cần kiểm soát chặt chẽ. Do đó, để nâng cao quản lý nhà nước, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước, cần thiết phải sửa đổi các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh TCĐTCT theo hướng chặt chẽ hơn để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh TCĐTCT, bao gồm:

2.1. Quy định về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

a) Vấn đề bất cập:

- Tại quy định tại Nghị định 86/2013/NĐ-CP, điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCĐTCT là doanh nghiệp phải có người quản lý, điều hành có trình độ đào tạo tối thiểu từ đại học trở lên, có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm quản lý hoạt động kinh doanh TCĐTCT; Doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp phép; trường hợp có thay đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành đáp ứng điều kiện nêu trên và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước để theo dõi (điểm b khoản 2 Điều 18 và điểm c khoản 3 Điều 19). Nghị định số 86/2012/NĐ-CP chưa có quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi thay đổi người quản lý điều hành nhưng không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

- Do hoạt động kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, có ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, phải chịu sự quản lý chặt chẽ của các pháp luật liên quan (pháp luật TCĐTCT, pháp luật về an ninh, trật tự, pháp luật ngoại hối, pháp luật văn hóa...). Vì vậy, theo đánh giá của Bộ Tài chính, người quản lý, điều hành là một nhân tố quan trọng, thực hiện điều hành Điểm kinh doanh TCĐTCT tuân thủ, chấp hành đúng và đủ quy định của các pháp luật liên quan. Doanh nghiệp phải có trách nhiệm bố trí người quản lý điều hành đáp ứng điều kiện và đảm bảo duy trì điều kiện này trong suốt quá trình kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, giám sát, Bộ Tài chính nhận thấy một số tồn tại, bất cập như sau: (i) Cùng một người quản lý, điều hành tại địa điểm đang kinh doanh nhưng có nhiều doanh nghiệp khác sử dụng hồ sơ của người quản lý, điều hành này để làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD tại các địa điểm kinh doanh trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác; (ii) Doanh nghiệp thay đổi người quản lý, điều hành tại hồ sơ đăng ký cấp phép nhưng không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước; (iii) Doanh nghiệp thay đổi người quản lý, điều hành và có thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhưng người quản lý, điều hành này đang làm việc tại Điểm kinh doanh trên các địa bàn tỉnh, thành phố khác; (iv) Thay đổi người quản lý, điều hành không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật nhưng không thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước và chỉ được phát hiện khi Đoàn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về người quản lý, điều hành.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* bổ sung 01 Điều quy định về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo hướng giữ nguyên điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý, điều hành của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP là phải có trình độ đào tạo tối thiểu là đại học và có tối thiểu 03 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành kinh doanh TCĐTCT; bổ sung trách nhiệm người quản lý, điều hành phải quản lý, điều hành, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động kinh doanh TCĐTCT tại Điểm kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phải làm việc toàn bộ thời gian tại Điểm kinh doanh; bổ sung quy định yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo Bộ Tài chính khi thay đổi người quản lý, điều hành và chỉ được thay đổi sau khi Bộ Tài chính chấp thuận.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Việc giữ nguyên quy định như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP có tác động tích cực theo hướng ổn định về chính sách pháp luật, không phát sinh thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, về mặt tiêu cực, quy định hiện tại là chưa đủ chặt chẽ, chưa xử lý được các tồn tại, bất cập, trong khi đó hoạt động kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, có ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, phải chịu sự quản lý chặt chẽ của các pháp luật liên quan (pháp luật TCĐTCT, pháp luật về an ninh, trật tự, pháp luật ngoại hối, pháp luật văn hóa...), người quản lý, điều hành là một nhân tố quan trọng, thực hiện điều hành Điểm kinh doanh TCĐTCT tuân thủ, chấp hành đúng và đủ quy định của các pháp luật liên quan.

- *Giải pháp 2:* Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung quy định về người quản lý tại Giải pháp 2 có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: Đảm bảo hoạt động kinh doanh TCĐTCT là hoạt động kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng và duy trì điều kiện kinh doanh trong suốt quá trình kinh doanh.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Thủ tục doanh nghiệp báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành được quy định tại cấp Nghị định là phù hợp Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc bổ sung, sửa đổi chính sách nêu trên đã thống nhất với Luật doanh nghiệp.

d) Kiến nghị lựa chọn: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp thứ

2, sửa đổi, bổ sung quy định về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.

2.2. Về quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng

a) Vấn đề bắt cập:

- Tại Điều 13 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có quy định về máy TCĐTCT, tuy nhiên chưa có quy định lưu trữ, quản lý máy TCĐTCT, đặc biệt là các máy hỏng phải sửa chữa, máy chờ tái xuất/tiêu hủy, máy chưa kinh doanh...).

- Qua kiểm tra định kỳ, có 02 doanh nghiệp có máy TCĐTCT bị hỏng nhưng không lưu trữ máy tại Điểm kinh doanh mà thuê địa điểm ở khu vực khác ngoài cơ sở lưu trú du lịch⁶ hoặc tập hợp tại Điểm kinh doanh khác để sửa chữa⁷. Các trường hợp này có thể dẫn đến việc doanh nghiệp hoặc các đối tượng khác lợi dụng để tổ chức kinh doanh TCĐTCT trái phép.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* Đề bảo đảm quản lý chặt chẽ về máy TCĐTCT, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý máy TCĐTCT theo hướng các máy TCĐTCT đưa vào kinh doanh phải được đặt bên trong Điểm kinh doanh. Đối với các máy TCĐTCT chưa đưa vào kinh doanh hoặc các máy TCĐTCT bị hư hỏng chưa thực hiện tái xuất, tiêu hủy, tạm thời không sử dụng phải được lưu trữ tại một căn phòng riêng biệt nằm trong Điểm kinh doanh; bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính từ 40 triệu đến 50 triệu đồng đối với hành vi quản lý máy TCĐTCT không đúng quy định.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Trường hợp giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP thì chưa có quy định cụ thể về lưu trữ, quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp thực hiện lưu trữ, quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng không chặt chẽ, có trường hợp doanh nghiệp lưu trữ máy TCĐTCT bên ngoài Điểm kinh doanh, có thể lợi dụng để kinh doanh trái phép hoặc cho đối tượng không được phép chơi.

- *Giải pháp 2:* Theo đánh giá của Bộ Tài chính, việc sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý máy TCĐTCT theo Giải pháp 2 có tác động tích cực như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: quy định cụ thể về việc quản lý máy TCĐTCT đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh đúng quy định, giảm thiểu các trường hợp gian lận, tạo thị trường công khai, minh bạch, bảo vệ người chơi.

⁶ Khách sạn Movenpick (Hà Nội).

⁷ Khách sạn Mường Thanh Nghệ An (Nghệ An).

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) *Kiến nghị lựa chọn*: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp thứ 2, bổ sung các quy định về quản lý máy TCĐTCT.

2.3. *Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh*

a) *Vấn đề bất cập*: Nghị định số 86/2013/NĐ-CP được ban hành trước khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 có hiệu lực thi hành. Theo đó, tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chỉ quy định về hồ sơ, quy trình, thủ tục nội dung xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; các quy định về hồ sơ, quy trình, thủ tục, nội dung thẩm định điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, mẫu đơn, mẫu giấy phép được quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 thì thủ tục hành chính không được quy định ở cấp Thông tư.

b) *Giải pháp*:

- *Giải pháp 1*: Giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2*: Đề xuất nâng các thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính (mẫu đơn xin cấp phép, mẫu Giấy chứng nhận ĐĐKKD) đang được quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BTC lên quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định thay thế để phù hợp quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, thống nhất văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện.

c) *Đánh giá tác động*:

- *Giải pháp 1*: Trường hợp giữ nguyên Nghị định như Giải pháp 1 là không phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và không thống nhất trong cùng một Nghị định dù đây đều là thủ tục cấp phép.

- *Giải pháp 2*: Việc đưa các quy định về thủ tục hành chính cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh lên Nghị định có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: thống nhất và đồng bộ về quy định pháp luật để doanh nghiệp triển khai thực hiện.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Các thủ tục cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được kế thừa từ Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Thông tư số 11/2014/TT-BTC. Đây không phải thủ tục hành chính phát sinh mới, do đó, không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước so với quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Trong thực tế, thời gian qua việc triển khai các thủ tục hành chính này ổn định và hiệu quả. Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính và tính toán chi phí tuân thủ đối với các thủ tục hành chính này.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật ban hành văn bản pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.4. Về cấp lại Giấy chứng nhận ĐDKKD đối với các doanh nghiệp sau khi tổ chức lại theo pháp luật doanh nghiệp

a) Vấn đề bất cập:

- Theo Luật doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp được phép tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi doanh nghiệp), sau khi tổ chức lại doanh nghiệp được hưởng quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trước khi tổ chức lại (Điều 198, 199, 200, 201); Doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và phải đảm bảo duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (khoản 1 Điều 8); Nghiêm cấm việc kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động (khoản 6 Điều 16).

- Trên thực tế, thời gian qua, trong quá trình quản lý, giám sát, có trường hợp doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT thực hiện sáp nhập với doanh nghiệp khác, sau khi sáp nhập, pháp nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không còn tồn tại. Tuy nhiên, pháp luật về kinh doanh TCĐTCT chưa có quy định về xử lý đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với pháp nhân đã được cấp phép kinh doanh TCĐTCT sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* Để đảm bảo nguyên tắc kinh doanh TCĐTCT là kinh doanh có điều kiện, cần quản lý chặt chẽ và phù hợp với Luật doanh nghiệp, dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung quy định cấp lại điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp tổ chức lại và tiếp tục đáp ứng điều kiện kinh doanh TCĐTCT. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh TCĐTCT thì bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Trường hợp giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP thì chưa có quy định về xử lý Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp. Do đó, có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp sau khi tổ chức lại không còn đáp ứng điều kiện nhưng vẫn tiếp tục kinh doanh TCĐTCT là không phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp (doanh nghiệp phải đảm bảo duy trì điều kiện đầu tư, kinh doanh trong suốt quá trình kinh doanh) và pháp luật TCĐTCT.

- *Giải pháp 2:* Đối với giải pháp 2 về sửa đổi, bổ sung quy định có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: đảm bảo nguyên tắc của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP là kinh doanh TCĐTCT là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cần phải kiểm soát chặt chẽ, chỉ doanh nghiệp được cấp phép mới được kinh doanh.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, thủ tục cấp lại đã được quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Thông tư số 11/2014/TT-BTC.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, quy định này đảm bảo chặt chẽ, thống nhất với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư 2020 (doanh nghiệp phải đảm bảo duy trì điều kiện đầu tư, kinh doanh trong suốt quá trình đầu tư, kinh doanh).

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn giải pháp 2.

2.5. Về thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD

a) Vấn đề bất cập: Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP quy định các hành vi bị nghiêm cấm, theo đó một số hành vi đã có chế tài xử lý. Tuy nhiên, một số hành vi bị nghiêm cấm lại chưa có chế tài xử lý như hành vi sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê,

cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, kinh doanh TCĐTCT trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy phép, để các đối tượng không phải đối tượng được phép chơi vào Điểm kinh doanh, gian lận trong tổ chức TCĐTCT... Đồng thời, Nghị định số 86/2013/NĐ-CP chưa có chế tài xử lý trường hợp doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh và trường hợp gian lận, giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* bổ sung các quy định về thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD đối với các trường hợp: (i) vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong kinh doanh TCĐTCT; (ii) không đảm bảo duy trì các điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD; (iii) gian lận, giả mạo tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ĐKKD; (iv) doanh nghiệp sau tổ chức lại không đáp ứng điều kiện kinh doanh.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Trường hợp giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP thì chưa có quy định thu hồi đối với các sai phạm có tính chất nghiêm trọng như vi phạm hành vi bị nghiêm cấm, gian lận, giả mạo hồ sơ cấp phép... Do đó, quy định hiện tại chưa đảm bảo tính nghiêm khắc, răn đe để đảm bảo kinh doanh TCĐTCT là kinh doanh có điều kiện, cần quản lý chặt chẽ.

- *Giải pháp 2:* Trường hợp bổ sung quy định về thu hồi Giấy phép như Giải pháp 2 có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: tăng cường tính chất nghiêm minh của pháp luật, xử lý nghiêm các doanh nghiệp có hành vi gian lận gây ảnh hưởng xấu đến thị trường, tạo thị trường công khai, minh bạch, bảo vệ người chơi.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Doanh nghiệp nào thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì bị áp dụng chế tài thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Giải pháp chỉ bổ sung các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp 2.

3. Nhóm chính sách về kiểm tra, thanh tra

3.1. Về kiểm tra thực tế trước khi cấp Giấy chứng nhận ĐĐKKD

a) Vấn đề bắt cấp:

- Tại Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP quy định về quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trong đó không quy định về việc tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp trước khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

- Trong quá trình triển khai cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Công an và UBND một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến cần thiết kiểm tra thực tế để làm căn cứ xem xét các nội dung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp (về xác định số lượng máy TCDTCT được phép kinh doanh, Điểm kinh doanh dự kiến đáp ứng các điều kiện quy định). Qua thực tế kiểm tra đã phát hiện một số nội dung thực tế không phù hợp nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp như: số lượng buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch thực tế kinh doanh thấp hơn số lượng doanh nghiệp báo cáo tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Điểm kinh doanh dự kiến không phù hợp quy định của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành phải xác định lại số lượng máy tối đa được phép kinh doanh và Điểm kinh doanh dự kiến khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đảm bảo phù hợp quy định. Trong quá trình tham gia ý kiến, Bộ Công an và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị bổ sung quy trình kiểm tra thực tế để làm căn cứ cấp phép.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* để đảm bảo việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCDTCT được chính xác, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định tổ chức kiểm tra thực tế để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Trường hợp giữ nguyên Nghị định số 86/2013/NĐ-CP như Giải pháp 1 thì không phát sinh thủ tục kiểm tra tại doanh nghiệp, thời gian cấp phép ngắn hơn. Tuy nhiên, về tác động tiêu cực, việc cấp phép khi không có kiểm tra thực tế có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp cung cấp hồ sơ, thông tin không đúng thực tế dẫn đến việc cấp phép căn cứ trên hồ sơ giấy tờ không chính xác.

- *Giải pháp 2:* Việc bổ sung quy định về kiểm tra thực tế để làm căn cứ

cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tại Giải pháp 2 có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: giải pháp không ảnh hưởng đến doanh nghiệp do kinh phí thực hiện kiểm tra do ngân sách các cơ quan quản lý nhà nước chi trả. Giải pháp góp phần xác định đúng các nội dung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để làm căn cứ cấp phép, đảm bảo thực hiện đúng quy định và đúng với thực tế kinh doanh của doanh nghiệp. Về tác động tiêu cực, việc kiểm tra tại doanh nghiệp trước khi cấp phép có thể gây kéo dài thời gian cấp phép, gây tổn kém chi phí chung cho xã hội.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, đây là một bộ phận của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá thủ tục hành chính và tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo đúng quy định.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp 2 để đảm bảo cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đúng thực tế của doanh nghiệp.

3.2. Về kiểm tra định kỳ

a) Vấn đề bất cập: Theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, công tác kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Đối với phương thức kiểm tra định kỳ có 02 thành phần cơ quan quản lý nhà nước thực hiện gồm: (i) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện kiểm tra định kỳ 03 năm/lần; (ii) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện kiểm tra định kỳ 01 năm/lần. Việc cả cơ quan liên ngành và UBND cấp tỉnh cùng kiểm tra định kỳ như trên có thể dẫn đến trùng lặp, chồng chéo và kiểm tra nhiều lần tại doanh nghiệp.

b) Giải pháp:

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên như Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

- *Giải pháp 2:* đề xuất bãi bỏ quy định UBND tỉnh kiểm tra định kỳ 01 năm/lần để tránh trùng lặp, chồng chéo và tránh kiểm tra nhiều lần tại doanh

nghiệp.

c) Đánh giá tác động:

- *Giải pháp 1:* Trường hợp giữ nguyên như Giải pháp 1 dẫn đến trùng lặp về thành phần kiểm tra do trong Đoàn kiểm tra 03 năm/lần do Bộ Tài chính chủ trì đã bao gồm thành phần là UBND cấp tỉnh. Ngoài ra, việc UBND tỉnh kiểm tra hàng năm và Bộ Tài chính kiểm tra 03 năm/lần dẫn đến chồng chéo và kiểm tra nhiều lần tại 01 doanh nghiệp, tốn kém chi phí xã hội và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Giải pháp 2:* đề xuất bãi bỏ quy định UBND tỉnh kiểm tra định kỳ 01 năm/lần có tác động như sau:

+ Tác động về kinh tế - xã hội: việc bỏ quy định UBND tỉnh thực hiện kiểm tra định kỳ hàng năm tại doanh nghiệp tạo điều kiện các cơ quan quản lý nhà nước chủ động trong công tác kiểm tra, thanh tra, tránh chồng chéo; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tránh trường hợp doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra quá nhiều lần trong một năm, giảm chi phí chung cho xã hội.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Kiến nghị lựa chọn giải pháp: Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp 2.

III. Lấy ý kiến các đơn vị liên quan

- Thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và gửi lấy ý kiến các Bộ Tư pháp, các Bộ ngành có liên quan, các đối tượng chịu tác động của chính sách và lấy ý kiến công khai tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính.

- Các ý kiến tham gia đều nhất trí với sự cần thiết xây dựng và ban hành dự thảo Nghị định. Một số ý kiến tham gia phù hợp, Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định, một số ý kiến tham gia khác, Bộ Tài chính đã giải trình tại Bảng tổng hợp ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP (đính kèm).

IV. Giám sát và đánh giá

Trên cơ sở thống nhất của các đơn vị, việc xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài để thực hiện các giải pháp như đã nêu tại Mục II nhằm hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ, thống nhất đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, tạo điều kiện để doanh nghiệp tổ chức kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra.

V. Phụ lục

Bộ Tài chính trình kèm Phụ lục Cơ sở đề xuất vốn điều lệ và chi tiết tính toán chi phí nâng cấp hệ thống camera./.

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 01B/DG-KSTT)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Biểu mẫu 01B/DG-KSTT



BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
dành cho người nước ngoài

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	☒ Có ☐ Không Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	☒ Có ☐ Không Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	☒ Có ☐ Không Nếu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	☒ Có ☐ Không Nếu rõ lý do:
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	☒ Có ☐ Không Nếu rõ lý do:
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	☐ Có ☒ Không Nếu rõ lý do: TTHC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: nhằm kiểm tra việc đáp ứng điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCDTC được chính xác, đúng thực tế kinh doanh của doanh nghiệp. Trên thực tế đã phát sinh trường hợp hồ sơ doanh nghiệp không phù hợp thực tế - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☒ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nếu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: ☒ Có ☐ Không
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	☐ Có ☒ Không Nếu rõ lý do:

		Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
3. Cách thức thực hiện			
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐		- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Quy định mở để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lựa chọn cách thức phù hợp. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:	
4. Hồ sơ			
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện		- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhu cầu xin cấp phép của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện về sở hữu cơ sở lưu trữ đủ lịch theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu quyết định xếp hạng cơ sở lưu trữ đủ lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trữ đủ lịch đó		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh số lượng buồng lưu trữ hiện đang kinh doanh để làm căn cứ xác định số lượng máy được phép kinh doanh. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trữ đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trữ đủ lịch		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện về Điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Sơ đồ dự kiến bố trí Điểm kinh doanh, trong đó có thuyết minh các nội dung cơ bản sau: cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước; khu vực bố trí thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát và thiết bị phòng cháy, chữa cháy		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện về tài chính theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng. Báo cáo tài chính được kiểm toán		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện về tài chính theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	

là bảo cáo chấp thuận toàn phần. Trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì yếu tố ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 Nghị định này		
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cho cơ sở lưu trữ du lịch do cơ quan công an có thẩm quyền cấp		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
h) Tên thành phần hồ sơ 8: Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và Thể lệ trò chơi.		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh doanh nghiệp có đã xây dựng các quy chế, thể lệ trò chơi để có thể triển khai kinh doanh đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của người chơi. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
i) Tên thành phần hồ sơ 9: Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu, số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh và kế hoạch triển khai thực hiện.		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh doanh nghiệp có phương án về tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hiệu quả và khả thi. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
k) Tên thành phần hồ sơ 10: Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực hoặc được hợp thức hóa lãnh sự của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý điều hành		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc doanh nghiệp có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?		Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ		Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết		
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:	
	- Thời hạn: 60 ngày Nêu rõ lý do: Thời gian để Bộ Tài chính phối hợp các Bộ, ngành thẩm định hồ sơ của doanh nghiệp để xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp	
6. Cơ quan thực hiện		
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể Bộ Tài chính chủ trì thực hiện, nhằm minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện TTHC.	

		- Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện TTHC.	
7. Đối tượng thực hiện			
a) Đối tượng thực hiện: Nước ngoài ☒ - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:		- Lý do quy định: + Về đối tượng: các doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCBCT + Về phạm vi: Đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trên toàn quốc - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi đề tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không? Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Do kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Việc cấp phép dành cho những doanh nghiệp có nhu cầu kinh doanh TCBCT và đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh	
8. Phí, lệ phí: Được quy định tại dự thảo Nghị định (150.000.000 đồng)			
9. Mẫu đơn, tờ khai		Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:	
10. Yêu cầu, điều kiện			
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? a) Yêu cầu, điều kiện 1: Doanh nghiệp có cơ sở lưu trữ dữ liệu đã được xếp hạng từ 5 sao hoặc hạng cao cấp trở lên do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn. Lý do quy định: Do hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh phụ trợ, phải gắn với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh cơ sở lưu trữ của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển về du lịch. Do đó, cần quy định về việc sở hữu cơ sở lưu trữ dữ liệu 5 sao.		Không ☐ Có ☒ - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☒ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nếu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nếu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nếu rõ: Hạn chế những đối tượng không đủ điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nếu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này. Lý do quy định: Hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh nhạy cảm, có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Do đó, cần quy định		- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nếu rõ:	

Khu vực bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng quy định.	+ Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: Hạn chế những doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Lý do quy định: Hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh nhạy cảm, có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Do đó cần yêu cầu doanh nghiệp có người quản lý, điều hành có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để có thể quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh TCĐTCT tuân thủ đúng quy định pháp luật.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: Hạn chế những đối tượng không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
d) Yêu cầu, điều kiện 5: Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng; nắm tài chính liên kế trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh có lãi Lý do quy định: Đảm bảo doanh nghiệp có đủ năng lực tài chính để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: Hạn chế những đối tượng không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
d) Yêu cầu, điều kiện 5: Có phương án kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đảm bảo duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật Lý do quy định: : Hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh nhạy cảm, có thể ảnh	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐

hướng đến an ninh, trật tự xã hội, cần quản lý chặt chẽ. Do đó cần yêu cầu doanh nghiệp có phương án kinh doanh đảm bảo duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội.		Nếu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nếu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nếu rõ: Hạn chế những đối tượng không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nếu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
11. Kết quả		
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Thông báo	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: 10 năm. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ Lý do: Khi hết thời hạn kinh doanh doanh nghiệp có thể gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để tiếp tục kinh doanh khi đáp ứng điều kiện gia hạn - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do:	
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mẫu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?		
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ		
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Quỳnh Trang Điện thoại có định: 024. 2220 2828 (SML: 7073) ; Di động: ; E-mail: nguyenthiquynhtrang1@mof.gov.vn		

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 01B/ĐG-KSTT

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THU TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

THU TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTHC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: TTHC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính
3. Cách thức thực hiện - Căn cứ quy định mới tại dự án, dự thảo ☒ + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☒ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	

a) Nộp hồ sơ: Thực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐ b) Nhận kết quả: Thực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐		- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Quy định mới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lựa chọn cách thức phù hợp. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:	
4. Hồ sơ			
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh		- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhu cầu xin cấp phép của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực		- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)		- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Hồ sơ tài liệu chứng minh doanh nghiệp sau khi tổ chức lại đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này		- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét việc đáp ứng điều kiện để được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sau khi tổ chức lại doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?		Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:	
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ/năm		Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):	
5. Thời hạn giải quyết			
- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:..... - Thời hạn: 15 ngày Nêu rõ lý do: Thời gian để Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp			
6. Cơ quan thực hiện			
- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể Bộ Tài chính thực hiện nhằm minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện TTHC. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện TTHC.			
7. Đối tượng thực hiện			
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:		- Lý do quy định: + Về đối tượng: các doanh nghiệp thuộc đối tượng cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	

- Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:		+ Về phạm vi: Đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trên toàn quốc - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi đề tăng số đối tượng thực hiện được hướng lợi không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chỉ dành cho những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và thuộc tương hợp phải cấp lại	
b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01			
8. Phụ, lệ phí: Bộ Tài chính hướng dẫn			
9. Mẫu đơn, tờ khai			
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?		Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:	
10. Yêu cầu, điều kiện			
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?		Không ☒ Có ☐	
11. Kết quả			
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Thông báo		- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: thời gian hoạt động còn lại của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, điều chỉnh, cấp lại gần nhất. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ Lý do: - Có quy định về điều kiện có thể gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sau khi hết thời hạn kinh doanh nêu đáp ứng điều kiện gia hạn - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do:	
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?			
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên		- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
b) Với văn bản của cơ quan khác		Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:	
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết		Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành:	

	+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Quỳnh Trang Điện thoại cố định: 024. 2220 2828 (SML: 7073) ; Di động:; E-mail: nguyenthiquynhtrangl@mof.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 01B/ĐG-KSTT

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTHC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Thực tiếp ☐ Buu điện ☐ Mạng ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Quy định mới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lựa chọn cách thức phù hợp.
b) Nhận kết quả:	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức

Trục tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐		Khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do:	
4. Hồ sơ			
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh		- Nếu rõ lý do quy định: Để xác định nhu cầu doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh		- Nếu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý kinh doanh TCBTCT của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư/dăng ký doanh nghiệp		- Nếu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý của doanh nghiệp. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Hồ sơ, tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp quy định tại Nghị định này và các pháp luật khác có liên quan		- Nếu rõ lý do quy định: Chứng minh nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?		Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:	
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ		Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):	
5. Thời hạn giải quyết			
- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: - Thời hạn: 30 ngày Nếu rõ lý do: Thời gian để Bộ Tài chính xem xét thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh			
6. Cơ quan thực hiện			
- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nhằm minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện TTHC. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện TTHC.			
7. Đối tượng thực hiện			
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐		- Lý do quy định: + Về đối tượng: các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy + Về phạm vi: Đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trên toàn quốc	

Mô tả rõ:

b) Phạm vi áp dụng:

- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐

- Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐

Biên giới, hải đảo ☐

c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01

- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi đề tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không? Có ☐ Không ☒
Nêu rõ lý do: Thủ tục điều chỉnh chỉ dành cho những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

8. Phí, lệ phí: Bộ Tài chính hướng dẫn

9. Mẫu đơn, tờ khai

TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?

Có ☒ Không ☐

- Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐

- Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:

10. Yêu cầu, điều kiện

TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?

Không ☒ Có ☐

11. Kết quả

- Giấy phép ☐

- Giấy chứng nhận ☒

- Giấy đăng ký ☐

- Chứng chỉ ☐

- Thẻ ☐

- Quyết định hành chính ☐

- Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐

- Loại khác: ☐

Đề nghị nêu rõ: Thông báo

- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐
+ Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: là thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trước khi điều chỉnh.
+ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:

- Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐
Lý do:

- Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐
Lý do: doanh nghiệp có thể gia hạn thời gian kinh doanh TCEICT nếu đáp ứng điều kiện gia hạn

- Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒
Lý do:

- Mẫu kết quả TTTC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐
Lý do:

12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTTC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?

a) Với văn bản của cơ quan cấp trên

- Có ☐ Không ☒

- Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận cấu thành:

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

b) Với văn bản của cơ quan khác

Có ☐ Không ☒

- Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận cấu thành:

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết

Có ☐ Không ☒

- Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận cấu thành:

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	Họ và tên người diễn: Nguyễn Thị Quỳnh Trang Điện thoại cố định: 024. 2220 2828 (SML: 7073) ; Di động:; E-mail: nguyenthiquynhtrang1@moj.gov.vn
--------------------------------------	---

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 01B/DG-KSTT

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTTC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Thực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Quy định mới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lựa chọn cách thức phù hợp.
b) Nhận kết quả:	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức

Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐		Khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐
4. Hồ sơ		
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh		- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhu cầu doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu là sáu (06) tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;		- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý của doanh nghiệp - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng;		- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ xem xét tính pháp lý của doanh nghiệp. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trú du lịch		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Sơ đồ bố trí Điểm kinh doanh		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:
h) Tên thành phần hồ sơ 8: Danh sách, lý lịch sơ lược		- Nêu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện để được gia hạn kinh doanh trò chơi

trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.		điện tử có thường theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
j) Tên thành phần hồ sơ 8: Bản sao có chứng thực biên bản kết luận đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định của pháp luật		- Nếu rõ lý do quy định: Chứng minh việc đáp ứng điều kiện để được gia hạn kinh doanh trò chơi điện tử có thường theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
k) Tên thành phần hồ sơ 9: Phương án kinh doanh		- Nếu rõ lý do quy định: báo cáo việc tổ chức thực hiện, hiệu quả kinh doanh trong thời gian được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TCBTC - Yêu cầu quy cách: Lý do quy định	
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?		Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:	
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ		Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):	
5. Thời hạn giải quyết			
- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:..... - Thời hạn: 60 ngày Nêu rõ lý do: Thời gian để Bộ Tài chính phối hợp các Bộ, ngành xem xét thẩm định hồ sơ			
6. Cơ quan thực hiện			
- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện, nhằm minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện TTHC. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện TTHC.			
7. Đối tượng thực hiện			
a) Đối tượng thực hiện:		- Lý do quy định: + Về đối tượng: các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy + Về phạm vi: Đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trên toàn quốc - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Thủ tục gia hạn chỉ áp dụng đối với những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và đáp ứng điều kiện để được gia hạn	
- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01			

8. Phí, lệ phí: Bộ Tài chính hướng dẫn	
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
10. Yêu cầu, điều kiện	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Không ☐ Có ☒
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu là sáu (06) tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; Lý do quy định: Do hoạt động kinh doanh trở chơi điện tử có thường là kinh doanh có điều kiện, chỉ được kinh doanh khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Do đó, doanh nghiệp phải làm thủ tục gia hạn khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☒ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: hạn chế những doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Đáp ứng các điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☒ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: hạn chế những doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
11. Kết quả	

- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Thông báo	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: tối đa 10 năm. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☒ Không ☒ Lý do: - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do:
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mẫu thuận, chống chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: Có ☐ Không ☒ - Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Quỳnh Trang Điện thoại cố định: 024. 2220 2828 (SML: 7073) ; Di động: ; E-mail: nguyenthiquynhtrang1@mof.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 01/BĐG-KSTT

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTTC này chỉ được thực hiện, giải quyết tại Bộ Tài chính
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Quy định mới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lựa chọn cách thức phù hợp.

b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐		- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do:	
4. Hồ sơ			
a) Tên thành phần hồ sơ: Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực hoặc được hợp thức hóa lãnh sự của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý điều hành Điểm kinh doanh		- Nếu rõ lý do quy định: Là căn cứ để xem xét người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh dự kiến thay đổi có đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ		Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):	
5. Thời hạn giải quyết			
- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: - Thời hạn: 15 ngày Nếu rõ lý do: Thời gian để Bộ Tài chính xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh dự kiến thay đổi			
6. Cơ quan thực hiện			
- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: quy định cụ thể Bộ Tài chính thực hiện nhằm minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện TTHC. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Bộ Tài chính chủ trì thực hiện TTHC.			
7. Đối tượng thực hiện			
a) Đối tượng thực hiện: ☒ Nước ngoài ☒ - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01		- Lý do quy định: + Về đối tượng: các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thương có nhu cầu thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh + Về phạm vi: Đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trên toàn quốc - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không? Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Do thủ tục này chỉ dành cho doanh nghiệp đang kinh doanh khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh	
8. Phí, lệ phí: TTHC không yêu cầu nộp phí/lệ phí			

9. Mẫu đơn, tờ khai TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?		Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☐ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: doanh nghiệp có văn bản báo cáo về việc thay đổi kèm theo tài liệu chứng minh theo quy định
10. Yêu cầu, điều kiện TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?		
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 19 Nghị định. Lý do quy định: Đảm bảo doanh nghiệp bố trí người quản lý, điều hành có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, đảm bảo duy trì điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và đảm bảo doanh nghiệp quản lý điều hành hoạt động kinh doanh TCĐTCT đáp ứng quy định pháp luật.	Không ☐ Có ☒ - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nếu rõ: + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nếu rõ: + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nếu rõ: Hạn chế những đối tượng không đáp ứng điều kiện - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nếu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	
11. Kết quả		
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: văn bản của Bộ Tài chính	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Doanh nghiệp thực hiện đến khi tiếp tục có nhu cầu thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT trên toàn quốc - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ Lý do: Doanh nghiệp thực hiện đến khi tiếp tục có nhu cầu thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do:	
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?		
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:	

	+ Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	Họ và tên người diễn: Nguyễn Thị Quỳnh Trang Điện thoại cố định: 024. 2220 2828 (SML: 7073) ; Di động: ; E-mail: nguyenthiquynhtrang1@mof.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUÂN THỦ TỰC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

[illegible]

5	Công việc khác (nếu có)									
6	Nhận kết quả	Trực tiếp								
		Bưu điện	1,0	29.628			1	2	29.628	59.256
		Internet								
		Khác								
	TỔNG						1,00	2,00	325.908	651.816

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1	Chuẩn bị hồ sơ								0	0
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	4,0	29.628				1	5	592.560
1.2	Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Chuẩn bị	1,0	29.628				1	5	148.140
	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng	Chuẩn bị	4,0	29.628				1	5	592.560
1.3										
1.4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đúng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó	Chuẩn bị	4,0	29.628				1	5	592.560

1.5	Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trữ đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trữ du lịch	Chuẩn bị	2,0	29.628				1	5	59.256	296.280
1.6	Sơ đồ bố trí Điểm kinh doanh, trong đó có thuyết minh các nội dung cơ bản sau: cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước; khu vực bố trí thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát và thiết bị phòng cháy, chữa cháy.	Chuẩn bị	5,0	29.628				1	5	148.140	740.700
1,7	Báo cáo tài chính năm liên kế trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng. Báo cáo tài chính được kiểm toán là báo cáo chấp thuận toàn phần. Trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì yếu tố ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 Nghị định này	Chuẩn bị	5,0	29.628				1	5	148.140	740.700
1,8	Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cho cơ sở lưu trữ du lịch	Chuẩn bị	1,0	29.628				1	5	29.628	148.140

6	Nhận kết quả	Trực tiếp									0	0
		Bưu điện	1,0	29.628				1	5	29.628	29.628	
		Internet								0	0	0
		Khác								0		0
		TỔNG								151.303.632	756.162.624	

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1	Chuẩn bị hồ sơ							0	0
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	4,0	29.628		1	1	118.512	118.512
1.2	Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Chuẩn bị	1,0	29.628		1	1	29.628	29.628
1,3	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực	Chuẩn bị	4,0	29.628		1	1	118.512	118.512
1,4	Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)	Chuẩn bị	1,0	29.628		1	1	29.628	29.628
1,5	Hồ sơ tài liệu chứng minh doanh nghiệp sau khi tổ chức lại đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này	Chuẩn bị	10,0	29.628		1	1	296.280	296.280

3,1	Phí	Phí điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh				20.000.000		1	2	20.000.000	40.000.000
3,2	Lệ phí									0	0
3,3	Chi phí khác									0	0
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									0	0
										0	0
5	Công việc khác (nếu có)									0	0
6	Nhận kết quả	Trực tiếp								0	0
		Bưu điện	1,0		29.628			1	2	29.628	59.256
		Internet								0	0
		Khác								0	0
		TỔNG								20.681.444	41.362.888

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1	Chuẩn bị hồ sơ								0	0
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	4,0	29.628				1	2	118.512 237.024
1.2	Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Chuẩn bị	1,0	29.628				1	2	29.628 59.256
1.3	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu là 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn	Chuẩn bị	4,0	29.628				1	2	118.512 237.024
1.4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng.	Chuẩn bị	4,0	29.628				1	2	118.512 237.024

1.5	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh cơ sở lưu trú du lịch thuộc sở hữu của doanh nghiệp.	Chuẩn bị	4,0	29.628					1	2	118.512	237.024
1.6	Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trú du lịch	Chuẩn bị	4,0	29.628					1	2	118.512	237.024
1.7	Sơ đồ dự kiến bố trí Điểm kinh doanh	Chuẩn bị	4,0	29.628					1	2	118.512	237.024
1.8	Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp	Chuẩn bị	1,0	29.628					1	2	29.628	59.256
1.9	Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.	Chuẩn bị	5,0	29.628					1	2	148.140	296.280
1.10	Danh sách, lý lịch tư pháp, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực hoặc được hợp thức hóa lãnh sự của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý	Chuẩn bị	5,0	29.628					1	2	148.140	296.280

1,11	Bản sao có chứng thực biên bản kết luận đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định của pháp luật	Chuẩn bị	1,0	29.628				1		2	29.628	59.256
1.12	Phương án kinh doanh	Chuẩn bị	5,0	29.628				1		2	148.140	296.280
2	Nộp hồ sơ	Thực tiếp										0
		Bưu điện	1,0	29.628				1		2	29.628	59.256
		Internet									0	0
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										0	0
3.1	Phí	Phí gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh				150.000.000		1		2	150.000.000	300.000.000
3.2	Lệ phí										0	0
3.3	Chi phí khác										0	0
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										0	0
5	Công việc khác (nếu có)										0	0
6	Nhận kết quả	Thực tiếp									0	0
		Bưu điện	1,0	29.628				1		2	29.628	59.256
		Internet									0	0
		Khác									0	0
		TỔNG									151.303.632	302.607.264

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chấp thuận thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

Mức thu phí, lệ phí (đồng)									
1	Chuẩn bị hồ sơ							0	0
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	4,0	29.628			1	2	118.512
	Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh	Chuẩn bị	5,0	29.628			1	2	148.140
1.2									296.280
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp							
		Bưu điện	1,0	29.628			1	2	29.628
		Internet							59.256
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					0			0
3.1	Phí								
3.2	Lệ phí								
3.3	Chi phí khác								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								

5	Công việc khác (nếu có)								
6	Nhận kết quả	Trực tiếp							
		Bưu điện	1,0	29.628		1	2	29.628	59.256
		Internet							
		Khác							
		TỔNG				1,00	2,00	325.908	651.816